**CHƯƠNG I**

**LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI**

**Bài 1: Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.**

**1. Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 - 1950)**

**a. Hoàn cảnh**:

***\* Khó khăn:***

- Đất nước chịu những tổn thất hết sức nặng nề sau chiến tranh.

+ Hơn 27 triệu người chết.

+ 1710 thành phố,7000 làng mạc,gần 32000 nhà máy xí nghiệp,65000 km đường sắt bị phá hủy.

- Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, đất nước phát triển chậm lại tới 10 năm.

-> Tổn thất hơn bất kì nước nào tham chiến.

- Mỹ phát động “chiến tranh lạnh” , kêu gọi các nước tư bản chống phá, bao vây cấm vận

***\*Thuận lợi cơ bản***:

- Ở trong nước nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có tinh thần lao động và sáng tạo.

- Trên thế giới, phong trào cash mạng thế giới lên cao, CNXH trở thành một hệ thống nối liền từ Âu sang Á.

**\* *Nhiệm vụ của Liên Xô sau chiến tranh***: Tiến hành khôi phục kinh tế bằng kế hoạch 5 năm lần thứ 4 (1946-1954).

**b. Kết quả**: Kế hoạch 5 năm lần thứ 4 hoàn thành thắng lợi trước thời hạn 9 tháng.

- Công nghiệp: Tổng sản lượng tăng 73% so với trước chiến tranh, hơn 6000 nhà máy đi vào hoạt động.

- Nông nghiệp: Vượt mức trước chiến tranh.

- Đời sống nhân dân được cải thiện.

- Khoa học kỹ thuật: Năm 1949 Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử .

-> Phá vỡ thế độc quyền hạt nhân của Mĩ.

**c. Ý nghĩa**:

- Nhanh chóng đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khó khăn.

- Ổn định đời sống nhân dân.

- Tạo điều kiện để Liên Xô tiếp tục xây dựng CNXH.

**2. Tiếp tục công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH.**

 (Từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX).

**a. Hoàn cảnh**: Sau khi hoàn thành việc khôi phục kinh tế.

**b. Kế hoạch**: Thực hiện bằng các kế hoạch dài hạn. Cụ thể:

+ Kế hoạch 5 năm lần thứ năm (1951 – 1955).

+ Kế hoạch 5 năm lần thứ sáu (1956 – 1960).

+ Kế hoạch 7 năm ( 1959 – 1965).

**c. Phương hướng** chính của các kế hoạch:

+ Ưu tiên công nghiệp nặng.

+ Thâm canh trong nông nghiệp.

+ Đẩy mạnh tiến bộ khoa học – kĩ thuật

+ Tăng cường sức mạnh quốc phòng.

**d.Thành tựu**:

- Kinh tế:

+ Công nghiệp tăng 9,6%, đứng thứ hai thế giới sau Mỹ, chiếm 20% sản lượng công nghiệp thế giới.

+ Một số ngành đứng đầu thế giới như Vũ trụ, điện, nguyên tử.

- Khoa học - kỹ thuật:

 + Năm 1947 phóng thành công vệ tinh nhân tạo vào quỹ đạo trái đất -> Mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

+ Năm 1961 phóng tàu vũ trụ Phương Đông, đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh trái đất, dẫn đầu thế giới về những chuyến bay dài ngày trong vũ trụ.

- Quốc phòng : Đạt được thế cân bằng chiến lược về quân sự nói chung và sức mạnh hạt nhân so với Mĩ và Phương tây.

- Đối ngoại :

+ Chủ trương duy trì hoà bình, hữu nghị với các nước.

+ Tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

+ Là thành trì của nền hòa bình và chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng thế giới.

e. Ý nghĩa:

+ Thể hiện tính ưu việt của CNXH, tăng cường thế và lực cho phe CNXH.

+ Uy tín và địa vị quốc tế của Liên Xô được đề cao, trở thành trụ cột của các nước XHCN, là thành trì của hoà bình, là chỗ dựa cho phong trào cách mạngthế giới.

+ Liên Xô trở thành đối trọng của Mĩ trong trật tự thế giới hai cực, làm đảo lộn toàn bộ chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ và đồng minh của chúng.

+ Với tư cách là thành viên của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc Liên Xô có nhiều đóng góp quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề quốc tế.

**3. Vai trò quốc tế của Liên Xô từ 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.**

- Giúp đỡ về vật chất và tinh thần cho các nước XHCN.

- Đi đầu trong việc ủng hộ phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập cho các nước thuộc địa, chống phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

- Đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp hòa bình của nhân loại.

- Đưa ra nhiều giải pháp nhằm đề cao vai trò của Liên Hợp Quốc trong bảo vệ hòa bình, duy trì an ninh thế giới và tăng cường hợp tác quốc tế.

=> Trở thành thành trì của nền hoà bình và chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng thế giới.

**4. Sự giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam ( Quan hệ Việt Nam – Liên Xô ).**

**-** Công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta, góp phần nâng cao địa vị vàuy tín của Nhà nước ta trên trường quốc tế.

- Luôn tỏ rõ sự ủng hộ đối với cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp, Mĩ của nhân dân ta. - Giúp đào tạo cán bộ, giúp đỡ chuyên gia kĩ thuật, viện trợ vũ khí,lương thực...

- Giúp đỡ Việt Nam xây dựng bệnh viên Hữu nghị Việt- Xô, nhà máy thuỷ điện Hoà Bình, nhà máy nhiệt điện Uông Bí. .

- Vai trò: Chính nhờ sự giúp đỡ này góp phần để nhân dân ta đánh bại chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc, hàn gắn vết thương chiến tranh và tiến lên xây dựng CNXH.

- Mối quan hệ tốt đẹp đó, ngày nay vẫn được hai dân tộc gìn giữ và phát huy.

**5. Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.**

**a.Sự thành lập**:

- Cuối thời kỳ chiến tranh thế giới thứ 2, nhân dân Đông Âu nổi dậy phối hợp với Hồng Quân Liên Xô tiêu diệt phát xít giành chính quyền.

 =>Thành lập một loạt nhà nước dân chủ nhân dân.

 Cụ thể:

+ Ba Lan (7/1944).

+ Ru-ma-ni (8/1944).

+ Hunggari 94/1945)

+ Tiệp khắc ( 5/1945).

+ Nam Tư (11/1945.

+ An- ba – ni (12/1945).

+ Bungai (9/1956)

**b. Hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân**:

- Xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân.

- Cải cách ruộng đất

- Quốc hữu hoá các xí nghiệp lớn của tư bản.

- Ban hành các quyền tự do, dân chủ.

- Cải thiện đời sống nhân dân.

**c. Ý nghĩa:** Lịch sử các nước Đông Âu bước sang một trang mới. Tăng cường thế lực cho phe chủ nghĩa xã hội, tạo sơ sở để hình thành hệ thống CNXH

**6. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa.**

**a. Hoàn cảnh**: Các nước XHCN cần hợp tác, giúp đỡ nhau về mọi mặt.

**b. Cơ sở:**

- Cùng mục tiêu xây dụng CNXH.

- Cùng hệ tư tưởng Mác- Lê nin.

- Cùng có Đảng Cộng sản lãnh đạo.

**c. Quá trình hình thành được biểu hiện qua 2 tổ chức:**

**- *Liên minh kinh tế*****:** Hội đồng tương trợ kinh tế (viết tắt là SEV) thành lập ngày 8/1/1949 với sự tham gia của các nước:Liên Xô, Anbani, Ba Lan, Bungari, Hunggari, Rumany, Tiệp Khắc. Sau này thêm các nước: Cộng hòa dân chủ Đức (1950), Mông Cổ (1962), Cu Ba (1972) và Việt Nam (1978).

*- Mục đích*: Đẩy mạnh sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa, đánh dấu sự hình thành hệ thống XHCN.

*- Thành tựu:*

+ Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp của các nước thành viên bình quân hàng năm

*- Hoạt động:*

+ Đầy mạnh quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế.

+ Thúc đẩy các nước xã hội chủ nghĩa phát triển kinh tế và kỹ thuật.

- Vai trò:

+ Đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện, tăng cường sức mạnh cho các nước CNXH.

+ Tạo điều kiện để đẩy lùi âm mưu chống phá của chủ nghĩa tư bản.

+ Giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc, góp phần giữ gìn hòa bình thế giới.

*- Hạn chế:*

+ Mang tính khép kín trong phạm vi các nước XHCN.

+ Nặng về bao cấp khi Liên Xô là nước thường xuyên cho các nước khác vay và viện trợ không hoàn lại.

- Sụp đổ: Ngày 28/6/1991.

***- Liên minh chính trị*:** Ngày 14.5.1955 thành lập tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va Nga.

*- Hoàn cảnh*: Để đối phó với tình hình thế giới ngày càng căng thẳng do chính sách hiếu chiến, xâm lược của đế quốc Mĩ, nhất là sự ra đời khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (4 - 1949) của các nước phương Tây.

*- Mục đích*:Là liên minh mang tính chất phòng thủ về quân sự và chính trị của các nước XHCN Đông Âu nhằm bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH, duy trì nền hoà bình, an ninh châu Âu và thế giới.

*- Vai trò:*

+ Tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện giữa các nước CNXH, tạo sức mạnh để đẩy lùi các âm mưu chống phá của Mĩ và phương Tây.

+ Vác -sa- va trở thành đối trọng với Nato, giúp cân bằng về quân sự.

+ Góp phần bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH, giữ gìn hòa bình và an ninh của thể giới.

- Sụp đổ: Ngày 1/7/1991

=> Sự sụp đổ của SEV và VÁC SA VA kéo theo sự sụp đổ của hệ thống CNXH

**Bài 2: Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến những năm 90 của thế kỉ XX.**

**1. Sự khủng hoảng và tan rã của Liên Bang Xô Viết.**

**a. Bối cảnh**, nguyên nhân làm cho Liên Xô rơi vào trì trệ, khủng hoảng.

- Năm 1973, thế giới lâm vào khủng hoảng dầu mỏ sau đó lan sang nhiều mặt

=> Yêu cầu các nước phải tiến hành cải cách kinh tế, chính trị - xã hội.

- Lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô chủ quan không chịu cải cách.

=>Tới đầu những năm 80 của thế kỉ XX đất nước lâm vào khủng hoảng.

**b. Biểu hiện** của khủng hoảng.

- Kinh tế:

+ Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trì trệ.

+ Lương thực, thực phẩm khan hiếm.

+ Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

- Chính trị - xã hội: Xuất hiện tình trạng vi phạm pháp chế, thiếu dân chủ và nạn quan liêu, tham nhũng.

=> Đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện.

**c. Công cuộc cải tổ của Gooc-ba-chốp.**

- 3.1985 Goop-ba-chốp lên nắm chính quyền đề ra đường lối cải tổ về kinh tế - chính trị. ***Mục đích cải tổ***: Đây được xem như là một cuộc cách mạng nhằm sửa chữa những sai lầm trước kia đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng và xây dựng CNXH theo đúng bản chất và ý nghĩa nhân văn đích thực của nó.

- Nội dung:

+ Kinh tế: Chuyển sang kinh tế thị trường => Chưa làm được, quan hệ kinh tế cũ bị phá vỡ trong khi quan hệ kinh tế mới chưa hình thành.

+ Chính trị: Thực hiện chế độ Tổng thống, đa nguyên đa đảng, xóa bỏ chế độ ĐCS.

=> Hậu quả: Đất nước lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn.

- Kết quả: Thất bại đã dẫn tới những hậu quả cực kì nghiêm trọng:

+ ĐCS Liên Xô bị đình chỉ hoạt động.

+ Nhà nước Liên bang hầu như tê liệt, các nước cộng hòa đua nhau đòi độc lập và tách khỏi Liên bang. Cuối cùng đã dẫn tới sự sụp đổ của Liên bang Xô viết.

**d. Quá trình sụp đổ**:

- 19.8.1991 diễn ra cuộc đảo chính lật đổ Goop-ba-chốp không thành => gây hậu quả nghiêm trọng cho đất nước, ĐCS bị đình chỉ hoạt động và bi đặt ra ngoài vòng pháp luật.

- Ngày 21.12.1991, 11 nước trong Liên Bang tách ra thành lập cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

- 25.12.1991 tổng thốngGooc-ba-chốp từ chứa, lá cờ đỏ trên điện Crem-li bị hạ xuống => Liên bang Xô Viết tan rã sau 74 năm tồn tại.

**2. Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu**.

( Phần này trong PPCT chỉ cần nắm hệ quả).

- Kết cục:

+ Đảng cộng sản mất quyền lãnh đạo.

+ Thế lực chống CNXH giành chính quyền tuyên bố đi theo chế độ TBCN.

=> 1989 Chế độ XHCN ở Đông Âu sụp đổ.

=> 1991 Hệ thống XHCN sụp đổ.

3.**Nguyên nhân sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu.**

**- Nguyên nhân chủ quan:**

+Xây dựng mô hình CNXH chưa khoa học, chưa đúng đắn, chứa đựng sai sót.

+ Thiếu tôn trọng quy luật khách quan trên nhiều mặt: Kinh tế, xã hội, chủ quan duy ý chí.

+ Thiếu dân chủ, thiếu công bằng, một số nhà lãnh đạo tha hoá về phẩm chất chính trị làm giảm sút lòng tin của nhân dân.

+ Không bắt kịp với những tiến bộ khoa học kĩ thuật của thế giới dẫn đến sự trì trệ, lạc hậu.

+ Chậm sửa đổi trước những biến động của tình hình thế giới. Khi sửa chữa, thay đổi thì lại mắc những sai lầm nghiêm trọng.

**- Nguyên nhân khách quan:**

**+** Cuối những năm 70 và đầu những năm 80 (XX) thế giới lâm vào khủng hoảng dầu mỏ sau đó lan sang nhiều mặt.

- Hoạt động chống phá CNXH của các thế lực thù định trong và ngoài nước.

**4. Nhận thức về sự sụp đổ của Liên Bang Xô Viết, bài học rút ra cho Việt Nam.**

a. Nhận thức về sự sụp đổ của Liên Bang Xô Viết.

- Là một tổn thất nặng nề cho cách mạng thế giới, để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các nước đang trên đường xây dựng CNXH.

- Đây chỉ là sự sụp đồ của một mô hình CNXH chưa khoa học, chưa nhân văn, là một bước lùi của CNXH chứ không phài là sựsup đổ của lý tưởng XHCN của loài người.

- Ngày nay có nhiều nước đangtiếp tục xây dựng CNXH và thu được nhiều thành tựu như Trung Quốc, Việt Nam, Cu ba...

b. Bài học rút ra cho Việt Nam:

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá cụ thể của từng đất nước.

- Phải tôn trọng, phù hợp với quy luật khách quan, bắt nhịp với bối cảnh quốc tế.

- Kịp thời nắm bắt, tiếp thu cuộc cách mạng khoa học của thế giới...

- Cải cách đổi mới phải kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, làm cho mục tiêu đó hiệu quả hơn.

- Đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là kinh tế.

- Đảm bảo quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản, nắm vững nguyên lí chủ nghĩa Mác- Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

**BÀI 3:**

**QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA**

 Quá trình phát triển của PTGPDT sau năm 45 đến nay có thể chia thành ba giai đoạn chính:

 **1/ Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỷ XX:**

- Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ ở Đông Nam Á, nhiều nước dành được độc lập như: In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào (1945).

- Từ Đông Nam Á phong trào lan nhanh sang các nước Nam Á và Bắc Phi. Tiêu biểu như Ấn Độ (1946 – 1950), Ai Cập (1952), An-giê-ri (1962)

 - 1/1/1959 Cu Ba dành được độc lập.

- 1960: 17 nước Châu Phi đành được độc lập.

***=> Như vậy tới giữa những năm 60 của thế kỷ XX, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc về cơ bản đã bị sụp đổ.***

**2/ Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX:**

- Nét nổi bật là các nước Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích và Ghi-nê Bít-xao đấu tranh, nhằm lật đổ ách thống trị của Bồ Đào Nha.

- Chính quyền mới ở Bồ Đào Nha đã tuyên bố trao trả độc lập cho Ghi-nê Bít-xao (9 – 1974), Mô-dăm-bích (6 – 1975) và Ang-gô-la (11 -1975).

**=> Đây là thắng lợi quan trọng của phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi.**

**3/ Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX:**

- Giai đoạn này chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức cuối cùng của nó là chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai), ở ba nước miền Nam châu Phi là Rô-đê-di-a, Tây Nam Phi và Cộng hòa Nam Phi.

- Sau quá trình đấu tranh kiên cường và bền bỉ của người da đen, giai cấp thống trị người da trắng đã phải tuyên bố xóa bỏ chế độ A-pác-thai và chính quyền của người da đen: đã được thành lập ở Rô-đê-di-a năm 1980, Tây Nam Phi năm 1990 đặc biệt năm 1993 chế độ phân biệt chủng tộc ở cộng hòa Nam Phi đã bị xóa bỏ sau hơn 3 thế kỷ tồn tại.

***=> Như thế, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã bị sụp đổ hoàn toàn. Lịch sử các nước Á, Phi và Mĩ La Tinh đã bước sang chương mới với nhiệm vụ củng cố độc lập dân tộc, phát triển kinh tế xã hội***.

**BÀI 4: CÁC NƯỚC CHÂU Á**

**I. Tình hình chung:**

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, châu Á là những thuộc địa, nửa thuộc địa và những thị trường chủ yếu của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

- Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

 + Do phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ; do vị trí chiếm lược quan trọng của các nước châu Á nên chủ nghĩa đế quốc tìm mọi cách duy trì địa vị thống trị của chúng ở vùng này; vì vậy chúng liên tiếp gây ra những cuộc chiến tranh xâm lược thực dân, tranh giành hất cẳng lẫn nhau làm cho cục diện Châu Á luôn luôn không ổn định.

 + Từ sau CTTG thứ 2: một cao trào GPDT đã phát triển mạnh ở Châu Á. Tới cuối những năm 50 phần lớn các dân tộc Châu Á đã giành được độc lập trong đó có nhiều nước lớn như: Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a.

 + Sau đó suốt nửa sau thế kỷ xx tình hình Châu Á không ổn định bởi đã diễn ra nhiều cuộc chiến tranh xâm lược của các đế quốc nhất là khu vực Đông Nam Á và Tây Á.

 + Sau chiến tranh lạnh: một số nước xảy ra tranh chấp biên giới, xung đột sắc tộc, tôn giáo.

 + Đến nay hầu hết các nước Châu Á đã giành được độc lập và ra sức phát triển kinh tế xã hội. Nhiều nước có sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Xin-ga-po, Thái Lan.

- Ngày nay Châu Á có nhiều tiềm năng to lớn, là châu lục của tương lai

**II. Trung Quốc:**

 ***1/ Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa:***

- Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Nhật, ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến kéo dài tới 3 năm (1946 – 1949) giữa Quốc dân đảng và Đảng cộng sản Trung Quốc. Cuối cùng tập đoàn Tưởng Giới Thạch cầm đầu Quốc dân đảng đã thua trận và phải rút chạy ra Đài Loan.

- Ngày 1-10-1949: Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập. Đây là một sự kiện có ý nghĩa vô cùng to lớn..

***- Ý nghĩa lịch sử:***

+ Đối với nhân dân Trung Quốc: kết thúc ách nô dịch hơn 100 năm của đế quốc và hàng ngàn năm của chế độ phong kiến, đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên độc lập tự do.

+ Đối với cách mạng thế giới: Tăng cường lực lượng cho hệ thống XHCN. Hệ thống XHCN được nối liền từ Châu Âu sang Châu Á và trở thành hệ thống thế giới.

***2/ Công cuộc cải cách – mở cửa (từ năm 1978 đến nay)***

- Tháng 12-1978*,* Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc đã vạch ra đường lối mới, đến thập niên 80 trở thành đường lối chung.

*-* ***Nội dung****:*

 + Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm

 + Thực hiện cải cách, mở cửa nhằm mục tiêu hienj đại hóa, đưa trung Quốc trở thành một quốc gia giàu mạnh, văn minh.

 ***- Thành tựu*** *:*

 + Tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. Tổng sản phẩm trong nước tăng trung bình hằng năm là trên 9,6% đứng thứ 7 thế giới.

 + Cơ cấu kinh tế đã có những chuyển dịch căn bản.

 + Thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tăng  cao, đời sống nhân đân được cải thiện.

 + Khoa học – kĩ thuật, quốc phòng, văn hoá, giáo dục, y tế đạt nhiều thành tựu nổi bật (chế tạo thành công bom nguyên tử, đưa người bay vào quỹ đạo Trái đất).

  + Về đối ngoại, chính sách của Trung Quốc có nhiều thay đổi, vai trò và địa vị quốc tế ngày càng nâng cao. Thu hồi Hồng Công (7-1997) và Ma Cao (12-1999)...

**Bài 5: Các nước Đông Nam Á**

**I. Tình hình**[Đông Nam Á](https://vndoc.com/giai-bai-tap-sbt-lich-su-lop-9-bai-5-cac-nuoc-dong-nam-a/download)**trước và sau năm 1945**

- Trước chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á là thuộc địa của đế quốc thực dân phương Tây.

- Tháng 8-1945, khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh, các nước Đông Nam Á đã nổi dậy chống ách thống trị thực dân, giành chính quyên.

- Ngay sau đó, các nước Đông Nam Á lại bị thực dân phương Tây xâm lược trở lại. Nhân dân Đông Nam Á lại phải cầm súng tiến hành kháng chiến chống các cuộc chiến tranh xâm lược trở lại của các nước đế quốc như ở Inđônêxia, Việt Nam, … đến giữa những năm 50 của thế kỉ XX mới lần lượt giành được độc lập.

- Nét nổi bật của Đông Nam Á thời kì Chiến tranh lạnh là:

+ Mĩ đã can thiệp vào Đông Nam Á.

+ Mĩ cùng Anh, Pháp lập nên khối quân sự Đông Nam Á (SEATO), nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc trong khu vực.

+ Mĩ tiến hành xâm lược Việt Nam và mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia => Tình hình Đông Nam Á trở nên đối đầu căng thẳng.

+ Inđônêxia, Miến Điện thi hành chính sách hòa bình, trung lập, không tham gia vào khối quân sự xâm lược của các nước đế quốc.

=> Từ giữa những năm 50 của thế kỉ XX, các nước Đông Nam Á đã có sự phân hóa theo đường lối đối ngoại.

**II. Sự ra đời của tổ chức ASEAN**

**1. Sự ra đời của ASEAN:**

- Hoàn cảnh:

+ Sau khi giành độc lập, đứng trước những yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước => Yêu cầu hợp tác cùng nhau phát triển.

+ Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

- Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập (8 - 8-1967) tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

- Mục tiêu của ASEAN: phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

- Tháng 2-1976, các nước ASEAN kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á tại Ba-li (Inđô nêxia), xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước thành viên:

+ Cùng nhau tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

+ Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

+ Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

+ Hợp tác phát triển có kết quả.

- Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế nhiều nước ASEAN có sự chuyển biến mạnh mẽ và đạt sự tăng trưởng cao. Các nước này đã chuyển sang thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu – thúc đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, gắn thị trường trong nước với bên ngoài.

- Mối quan hệ giữa 3 nước Đông Dương với ASEAN:

+ Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia kết thúc với thắng lợi vào năm 1975, các quan hệ ngoại giao giữa 3 nước Đông Dương và ASEAN đã được thiết lập

+ Năm 1979, do vấn đề Campuchia, quan hệ giữa 3 nước Đông Dương với các nước ASEAN trở nên căng thẳng và “đối đầu”.

**III. Từ “ASEAN 6” phát triển thành “ASEAN 10”**

- Năm 1984, Bru-nây trở thành thành viên thứ sáu của tổ chức ASEAN.

- Tình hình khu vực Đông Nam Á sau “chiến tranh lạnh”: mối quan hệ giữa các nước ASEAN với 3 nước Đông Dương đã chuyển từ "đối đầu” sang “đối thoại”.

=> Xu hướng nổi bật đầu tiên là sự mở rộng các thành viên của tổ chức ASEAN

- Việt Nam gia nhập ASEAN vào tháng 7-1995, tiếp đó kết nạp Lào, Mi-an-ma vào tháng 7-1997 và Cam-pu-chia tháng 4-1999.

- Lần đầu trong lịch sử khu vực, 10 nước ASEAN đều cùng đứng trong một tổ chức thống nhất => ASEAN chuyển trọng tâm sang hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định để cùng nhau phát triển phồn thịnh.

+ Năm 1992, ASEAN quyết định biến Đông Nam Á thành một khu vực mậu dịch tự do (AFTA) trong vòng 10-15 năm.

+ Năm 1994, ASEAN lập diễn đàn khu vực (ARF) với sự tham gia của 23 quốc gia trong và ngoài khu vực nhằm tạo nên một môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc hợp tác phát triển của Đông Nam Á.

=> Một chương mới mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á.

 **BÀI 6. CÁC NƯỚC CHÂU PHI.**

**I.TÌNH HÌNH CHUNG.**

 **1. Nét nổi bật trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước châu Phi sau chiến tranh thế giới thứ hai:**

- Trước chiến tranh thế giới hai: Bị chủ nghĩa thực dân Phương Tây biến thành thuộc địa, bị áp bức, bóc lột tàn bạo, đời sống khổ cực => gọi là “Lục địa ngủ kĩ”

- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra sôi nổi, sớm nhất là ở Bắc Phi - nơi có trình độ phát triển cao hơn.

- Năm 1952, cuộc đảo chính lật đổ chế độ quân chủ ở Ai Cập nổ ra và dẫn tới sự thành lập nước Cộng hòa Ai Cập ( năm 1953).

- Từ năm 1954-1962, nhân dân An-giê-ri đã tiến hành khởi nghĩa vũ trang lật đổ ách thống trị của thưc dân Pháp.

- Năm 1960 – ‘năm Châu Phi” với 17 nước Châu Phi tuyên bố độc lập.

=> Châu Phi được mệnh danh là “Lục địa mới trỗi dậy”

 **2. Thành tựu, khó khăn và biện pháp khắc phục trong công cuộc xây dựng đất nước sau khi giành độc lập.**

**- *T***hu được nhiều thành tích.

**- *Khó khăn:*** Đói nghèo, lạc hậu ,xung đột sắc tộc, nội chiến đẫm máu, nợ nước ngoài, dịch bệnh, mù chữ.

**- *Biện pháp khắc phục:*** thành lập nhiều tổ chức khu vực để các nước giúp đỡ, hợp tác cùng nhau giải quyết khó khăn, lớn nhất là Tổ chức thống nhất châu Phi – nay là Liên minh châu Phi (AU).

**II. CỘNG HÒA NAM PHI.**

**Chính sách phân biệt chủng tộc A-pac-thai:** là chính sách phân biệt chủng tộc cực kì tàn bạo của chính quyền thực dân da trắng đối với người da đen và da màu ở Nam Phi từ năm 1662 đến năm 1993. (Là một hình thức tồn tại của chủ nghĩa thực dân)

**Quá trình đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc A-pac-thai:**

***Lãnh đạo:*** Tổ chức “Đại hội dân tộc Phi” (ANC) do Nen Xơn Men đê la đứng đầu.

***Lực lượng đấu tranh:*** Người da đen và sự ủng hộ của Cộng đồng quốc tế, kể cả Liên Hiệp Quốc.

***Tinh thần đấu tranh:*** Ngoan cường và bền bỉ.

***Kết quả:***

+ Năm 1993, chính quyền da trắng tuyên bố xóa bỏ chế độ A-pac-thai trả tự do cho lãnh tụ ANC Nen-xơn Ma-đê-la sau 27 năm cầm tù.

+ Năm 1994, cuộc bầu cử đa chủng tộc đầu tiên được tiến hành và Nen-xơn Ma-đê-la – lãnh tụ ANC được bầu và trở thành Tổng thống người da đen đầu tiên ở Cộng hòa Nam Phi.

***Ý nghĩa:*** chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ ngay tại sào huyệt cuối cùng của nó sau hơn ba thế kỉ tồn tại, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, tạo điều kiện để nhân dân Nam Phi bước vào xây dựng đất nước.

***Xây dựng đất nước:*** thực hiện Chiến lược kinh tế vĩ mô(6-1996) với tên gọi “Tăng trưởng, việc làm và phân phối lại” nhẵm phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, cải thiện mức sống của người da đen.

1. ***Quan hệ ngoại giao Việt Nam – Nam Phi:***

***Tháng 12/1993:*** chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao.

***Hiện nay:*** Nam Philà đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam tại Châu Phi.

***Ông Nen-xơn Ma-đê-la (1918 -2013):***

Năm 1993 ông được trao giải thưởng Nôben về hoà bình. Man-đê-la được ngưỡng mộ như người anh hùng chống chế độ phân biệt chủng tộc.

 **BÀI 7: CÁC NƯỚC MĨ LA TINH**

**1. Những nét chung:**

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất nhiều nước giành được độc lập nhưng sau đó lại rơi vào vòng lệ thuộc và trở thành “sân sau” của đế quốc Mĩ.

- Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai có nhiều biến động

- Năm 1959 cách mạng Cu-ba thắng lợi.

- Những năm 60 đến những năm 80 trở thành “Lục địa bùng cháy”.

- Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước:

+ Thu được nhiều thắng lợi.

+ Những năm 90 kinh tế gặp khó khăn, thậm chí có lúc căng thẳng.

**2. Cu-ba - Hòn đảo anh hùng**:

- Phong trào cách mạng:

+ Tháng 3/1952, Mĩ thiết lập chế đọ độc tài Ba-ti-xta.

+ Ngày 26/7/1953 Phi-đen Cát-xtơ-rô chỉ huy 135 thanh niên tấn công pháo đài Môn-a-đa. Thổi bùng ngọn lửa đấu tranh trên toàn đảo.

+ Tháng 11/1956 Phi-đen Cát-xtơ-rô cùng 81 đồng chí về nước tiếp tục chiến đấu.

+ Ngày 1/1/1959 chế độ độc tài bị lật đổ. Cách mạng giành thắng lợi.

- Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước:

+ Thu được nhiều thắng lợi: Xây dựng được một nền công nghiệp đạt trình độ cao của thế giới.

+ Tháng 4/1961, đánh bại cuộc xâm lược của Mĩ tại biển Hi-rôn. Cu-ba tiến lên CNXH.

- Hiện nay: Dù bị Mĩ cấm vận, Cu-ba vẫn kiên trì XDCNXH và đạt được nhiều thành tựu về công nghiệp, y tế, giáo dục, thể thao...

- Ý nghĩa thắng lợi của cách mạng Cu-ba:

+ Đã đem lại độc lập cho nhân dân Cu-ba.

+ Là lá cờ đầu trong phong trào ĐTGPDT ở Mĩ La-tinh, cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh ở khu vực.

+ Góp phần làm thất bại âm mưu của Mĩ đối với khu vực.

- Quan hệ Việt Nam - Cu-ba: Luôn tốt đẹp.

**Bài 8: NƯỚC MĨ**

**1. Tình hình kinh tế nước Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai:**

- Mĩ vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, đứng đầu trong hệ thống các nước TB, theo đuổi mưu đồ bá chủ thế giới:

+ Mĩ thu được 114 tỉ USD lợi nhuận từ CT, vươn lên chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt

+1945-1950: sản lượng CN chiếm hơn nửa sản lượng CN thế giới

+ Sản lượng nông nghiệp gấp 2 lần các nước Anh, Pháp, Tây Đức, Italia, Nhật Bản cộng lại

+ Chiếm ¾ trữ lượng vàng thế giới

+ Độc quyền về vũ khí hạt nhân và lực lượng mạnh nhất giới tư bản

+ Là chủ nợ duy nhất trên TG

- Nhiều thập niên sau này: tuy vẫn còn đứng đầu TG nhưng không còn chiếm ưu thế tuyệt đối

+1973 sản lượng CN còn 39,8%

+ Dự trữ vàng còn 11,9 tỉ USD

+ Đồng đô la Mĩ bị phá giá 2 lần năm 1973, 1974

**2. Chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ**

\* Các Đảng cầm quyền ở Mĩ: Đảng Cộng hòa và Đảng dân chủ: thay nhau cầm quyền và đều vì mục đích của các tập đoàn tư bản độc quyền ở Mĩ; phục vụ mưu đồ bá chủ thế giới

\* Đối nội:

- Ban hành hàng loạt đạo luật phản động: cấm Đảng cộng sản Mĩ hoạt động, chống lại phong trào đình công và loại bỏ những người có tư tưởng tiến bộ ra khỏi bộ máy Nhà nước

- Do áp lực của các tầng lốp nhân dân, một vài đạo luật dã phải hủy bỏ, nhưng chính quyền vẫn thi hành chính sách nhằm ngăn cản phong trào công nhân, thực hiện phân biệt chủng tộc

- Nhiều phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Mĩ tiếp tục tiếp diễn như “mùa hè nóng bỏng” của người da đen (1963, 1969-1975), phong trào phản chiến trong những năm Mĩ xâm lược Việt Nam (1969-1972)

\* Đối ngoại:

- Đề ra “chiến lược toàn cầu” nhằm chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc và thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

- Viện trọ, lôi kéo, khống chế các nước, lập các khối quân sự, gây nhiều cuộc chiến tranh xâm lược. Tuy nhiên Mỹ vấp phải nhiêu thất bại nặng nề, tiêu biểu là trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

- Ráo riết tiến hành nhiều chính sách nhằm xác lập trật tự thế giới “đơn cực” do Mĩ chi phối và khống chế. Tuy nhiên thực tế còn gặp nhiều khó khăn để thực hiện mục tiêu đó.

**c. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO)**

Là một liên minh quân sự dựa trên Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương do Mĩ đứng đầu cùng sự tham gia của một số nước ở châu Âu, thành lập vào 4/1949, nhằm mục đích ngăn chặn sự phát triển của CNCS, chống lại Liên Xô và hệ thống các nước XHCN, chay đua vũ trang, thành lập căn cứ quân sự; ngăn cản phong trào giải phóng dân tộc, gây chiến tranh ở nhiều nơi, nhất là châu Á và, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh

**d. Nội dung cơ bản của “Chiến lược toàn cầu”**

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới. Chiến lược đó được thực hiện qua nhiều chiến lược cụ thể, dưới tên gọi các học thuyết khác nhau.

- Ba mục tiêu chủ yếu:

 • Một là, ngăn chặn và tiến tới xoá bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

 • Hai là, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, phong trào chống chiến tranh, vì hoà bình, dân chủ trên thế giới.

 • Ba là, khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ

**\* Lí giải nước Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới khi CTTG 2 kết thúc**

+ Nước Mĩ ở xa chiến trường, được hai đại dương Đại Tây Dương và Thái Bình Dương che chở; lại là nước tham gia chiến tranh muộn nên không bị chiến tranh tàn phá

+ Nước Mĩ được yên ổn phát triển sản xuất và bán vũ khí, hàng hóa cho các nước tham chiến

+ Mĩ đã thu hút được một đội ngũ các nhà khoa học trên thế giới nên trình độ khoa học kĩ thuật phát triển rực rỡ, nhờ đó Mĩ sớm áp dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật vào đời sống (nguyên nhân cơ bản nhất)

**\*. Nguyên nhân làm cho địa vị kinh tế Mĩ suy giảm:**

- Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước Tây Âu và Nhật Bản ngày càng cạnh tranh gay gắt với Mĩ

- Nhiều cuộc khủng hoảng, suy thoái diễn ra ở Mĩ

- Do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới, Mĩ đã chi nhiều khoản khổng lồ cho việc chay đua vũ trang, sản xuất vũ khí, thiết lập căn cứ quân sự và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược

- Xã hội: sự phân chia giàu nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội gây nên tình trạng bất ổn về kinh té và xã hội ở Mĩ

**\*. Nguyên nhân chủ yếu làm cho địa vị kinh tế của Mĩ bị suy giảm trong thập niên 60-70 của thế kỉ XX:**

Do tham vọng bá chủ thế giới nên tập trung khoản chi phí khổng lồ cho quân sự như chay đua vũ trang, sản xuất các loại vũ khí hiện đại, thiết lập hàng nghìn căn cứ quân sự, gây chiến tranh xâm lược

**\*. So sánh kinh tế Mĩ với kinh tế Nhật Bản/Tây Âu ngay sau chiến tranh thế giới thứ hai**

+ Sau CT (1945-1950), Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới, chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt

+ Những thập niên tiếp theo, kinh tế Mĩ vẫn đứng đầu thế giới nhưng không chiếm ưu thế tuyệt đối

+ Nhật Bản là nước bại trận, bị nước ngoài chiếm đóng, mất hết thuộc địa; kinh tế bị tàn phá nặng nề, thiếu thốn lương thực, thực phẩm hàng tiêu dụng…

+ Năm 1946, cải cách dân chủ được tiến hành tạo đà cho sự phát triển về sau của NB

+ Từ năm 1950, khi Mĩ tiến hành chiến tranh ở Triều Tiên và Việt Nam, nền kinh tế NB có sự tăng trưởng “thần kì”, vượt qua Tây Âu và đứng thứ hai thế giới sau Mĩ + Kinh tế bị phát xít tàn phá nặng nề: sản lượng công, nông nghiệp suy giảm, các nước đều bị mắc nợ

+ Năm 1948, 16 nước Tây Âu nhận viện trợ của Mĩ theo kế hoạch Phục hưng châu Âu (kế hoạch Mac san)

+ Nền kinh tế có bước phục hồi và phát triển nhanh chóng nhưng ngày càng lệ thuộc vào Mĩ

**\*.Thành tựu quan trọng đánh dấu sự phát triển vượt trội về khoa học kĩ thuật của Mĩ, trở thành nguy cơ đe dọa hòa bình thế giới:**

Năm 1945, chế tạo thành công bom nguyên tử, nắm giữ thế độc quyền về vũ khí hạt nhân trên thế giới

**\*. Điểm giống nhau trong chính sách đối nội và đối ngoại của các đời tổng thống Mĩ**

=> phục vụ lợi ích của các tập đoàn tư bản độc quyền kếch sù ở Mĩ

+ Đối nội: ngăn cản phong trào CN, phân biệt chủng tộc

+ Đối ngoại: thực hiện chiến lược toàn cầu, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc, viện trợ, lôi kéo khống chế các nước,, gây chiến tranh xâm lược, xác lập trật tự thế giới “đơn cực” do Mĩ chi phối và khống chế.

**\*.Mối quan hệ giữa Mĩ và Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ hai**

+ Sau CTTG2, với tiềm lực kinh tế - quân sự, Mĩ đề ra “chiến lược toàn cầu” nhằm chống phá các nước XHCN, đẩy lùi phong trào GPDT, gây chiến tranh xâm lược ở nhiều nơi trong đó có Việt Nam

+ Từ năm 1950, khi Pháp đang tiến hành chiến tranh xâm lược ở Việt nam và chịu thất bại liên tiếp, Mĩ đã có hành động can thiệp, dính líu trực tiếp đến cuộc chiến này bằng cách tăng cường viện trợ cho Pháp.

+ Từ năm 1954 đến năm 1975, Mĩ nhảy vào miền Nam VN, gây chiến và mở rộng ra miền Bắc, liên tiếp thực hiện các Chiến lược chiến tranh nhằm thôn tính và biến miền Nam VN thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ, mở rộng chiến tranh, bành trướng sức mạnh. Do đó mối quan hệ giữa Mĩ và Việt Nam có những giai đoạn căng thẳng

+ Từ sau năm 1973, nhất là năm 1975, Mĩ thất bại hoàn toàn trên chiên trường Việt Nam, buộc phải công nhận nền các quyền dân tộc cơ bản ở Việt nam, giải quyết hậu quả chiến tranh ở Việt Nam

+ Trong nhiều năm gần đây: trở thành đối tác về kinh tế, quá trình giao lưu hợp tác diễn ra thường xuyên. Mối quan hệ tốt đẹp hơn. Năm 1993, tổng thống Mĩ sang thăm VN

**\*. Bài học kinh nghiệm từ sự phát triển của Mĩ** đến công cuộc đổi mới trong giai đoạn hiện nay ở nước ta: Áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật vào trong đời sống sản xuất

 **Bài 9: Nhật Bản.**

**1. Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh**

 + Là nước bại trận, bị tàn phá nặng nề, xuất hiện nhiều khó khăn lớn (thất nghiệp 13 triệu người, thiếu thốn lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng,...).

 + Dưới chế độ chiếm đóng của Mĩ, nhiều cuộc cải cách dân chủ đã được tiến hành như: ban hành Hiến pháp mới (1946), cải cách ruộng đất, xóa bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trừng trị tội phạm chiến tranh, ban hành các quyền tự do dân chủ (Luật Công đoàn, nam nữ bình đẳng...). Những cải cách ấy đã trở thành nhân tố quan trọng giúp NB phát triển mạnh mẽ sau này.

 **2. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh:**

 + Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật Bản tăng trưởng mạnh mẽ, được coi là “*sự phát triển thần kì*”... Cùng với Mĩ và Tây Âu, Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính trên thế giới.

 + Những nguyên nhân chính của sự phát triển đó là do: truyền thống văn hóa, giáo dục lâu đời của người Nhật - sẵn sàng tiếp thu những giá trị tiến bộ của thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc; con người NB được đào tạo chu đáo và có ý chí vươn lên; sự quản lí có hiệu quả các của các xí nghiệp, công ti; vai trò điều tiết và đề ra các chiến lược phát triển kinh tế của Chính phủ...

 + Trong thập kỉ 90, kinh tế Nhật bị suy thoái kéo dài, có năm tăng trưởng âm (1997 - âm 0,7%, 1998 - âm 1,0%). Nền kinh tế Nhật Bản đòi hỏi phải có những cải cách theo hướng áp dụng những tiến bộ của khoa học - công nghệ.

**3. Chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh:**

+ Về đối ngoại, sau chiến tranh, Nhật Bản thi hành 1 chính sách lệ thuộc vào Mĩ,... Bên cạnh đó là chính sách mềm mỏng về chính trị và phát triển các mối quan hệ kinh tế đối ngoại, đang nỗ lực vươn lên trở thành một cường quốc chính trị cho tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế.

**\* Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam:**

- Chú trọng đến yếu tố con người , đạo tạo ra những con người có đức, có tài cho nền kinh tế ;Cần rèn luyện tính kỷ luật cao trong lao động, coi trọng tiết kiệm…

- Xây dựng bộ máy quản lý hiệu quả

- Tận dụng thành tựu KHKT vào sản xuất

- Sử dụng nguồn vốn hợp lý

Chiến lược mở rộng và chiếm lĩnh thị trường

***\* Quan hệ Việt - Nhật***

 -21-9-1973 Việt Nam- Nhật Bản chính thức ký Hiệp định thiết lập quan hệ ngoại giao

 - Từ 1986 đến nay quan hệ Việt- Nhật được tăng cường trên nhiều lĩnh vực : kinh tế, văn hoá..

 + Nhật Bản là một trong những bạn hàng lớn nhất của Việt Nam

 + Nhật bản có số vốn đầu tư lớn vào Việt Nam (xếp thứ 3)

 + Là nước có nguồn hỗ trợ ODA lớn của Việt Nam..

 + Giữa hai nước diễn ra nhiều hoạt động giao lưu về giáo dục và văn hoá

Hiệp định thiết lập quan hệ ngoại giao

**BÀI 10. CÁC NƯỚC TÂY ÂU**

**I. TÌNH HÌNH CHUNG:**

- *Kinh tế:*

+ Suy giảm => trở thành *con nợ* của Mĩ

+ Các nước Tây Âu thực hiện *kế hoạch Mácsan* (16 nước được nhận viện trợ khoảng 17 tỉ USD trong những những năm 1948 đến 1951) => kinh tế được phục hồi => ngày càng lệ thuộc vào Mĩ.

 *- Chính trị:*

 + Đối nội: thu hẹp các quyền tự do dân chủ, xoá bỏ các cải cách tiến bộ đã thực hiện trước đây, ngăn cản các phong trào công nhân và dân chủ, củng cố thế lực của giai cấp TS cầm quyền. => phục vụ quyền lợi cho giai cấp tư sản.

 + Đối ngoại:

- Tiến hành các cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa => thất bại

 Trong bối cảnh *“Chiến tranh lạnh,* các nước TÂ tham gia khối quân sự Bắc

Đại Tây Dương nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

***\* Đức:*** 3/10/1990 thống nhất => cường quốc có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất Tây Âu.

**II. Sự liên kết khu vực:**

***1. Nguyên nhân:***

- Các nước Tây Âu có chung nền văn minh

- Nhu cầu mở rộng thị trường và hợp tác KH -KT

- Kinh tế TG phát triển mạnh, sự vươn lên mạnh mẽ của Mĩ và Nhật Bản

- Muốn thoát khỏi sự lệ thuộc Mĩ.

***2. Quá trình liên kết:***

- 4/1951: Cộng đồng than thép CÂ được thành lập gồm 6 nước (P, Đ,Y, Bỉ, Hàlan, Lúcxămbua)

- 3/1957: Cộng đồng năng lượng nguyên tử CÂ và Cộng đồng kinh tế CÂ (EEC) được thành lập, gồm 6 nước trên.

Cộng đồng kinh tế Châu Âu chủ trương xoá bỏ dàn hàng rào thuế quan, thực hiện tự do lưu thông hàng hoá, tư bản và nhân công giữa 6 nước.

- 7/1967: Cộng đồng châu ÂU (EC) ra đời trên cơ sở sáp nhập 3 cộng đồng trên.

- 12/1991: Liên minh Châu ÂU (EU)

***3. Hoạt động:***

- Xây dựng thị trường nội địa Châu Âu với một liên minh kinh tế và tiền tệ Châu Âu, có một đồng tiền chung duy nhất. từ ngày 1/1/1999, một đồng tiền chung của Liên minh đã được phát hành với tên gọi ơrô (EURO)

- Xây dựng liên minh chính trị, mở rộng liên kết về chính sách đối ngoại và an ninh => xây dựng Nhà nước chung

***4. Tác dụng:***

- Là một liên minh kinh tế - chính trị lớn nhất TG.

- Là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của TG

**BÀI 11:TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI**.

**I.Sự hình thành trật tự thế giới mới:**

 4->11/2/1945, Hội nghị đã thông qua những quyết định quan trọng về phân chia khu vực ảnh hưởng châu Âu và châu Á giữa hai cường quốc Liên Xô và Mỹ mà lịch sử gọi là Trật tự hai cực I-an-ta.

**II.Sự thành lập Liên hợp quốc(10/1945**):

- Mục đích:

 + Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

 + Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền các dân tộc. Thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hoá, xã hội và nhân đạo.

 -Vai trò:

 + Giữ gìn hoà bình, an ninh quốc tế.

 + Đấu tranh chống thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

 + Giúp đỡ các nước phát triển kinh tế, văn hoá, giáo

dục…khoa học-kỹ thuật

(Á, Phi, Mỹ la-tinh).

 - Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc từ tháng 20/9 /1977, thành viên thứ 149.

**III. “Chiến tranh lạnh**”

 1. Những biểu hiện của tình trạng” chiến tranh lạnh”:

 - Mỹ và các nước đế quốc chạy đua vũ trang, thành lập các khối quân sự, chiến tranh cục bộ.

 - Tăng cường ngân sách quân sự bao vây LX và các nước XHCN.

 - Tiến hành nhiều cuộc chiến tranh, đàn áp các phong trào đấu tranh GPDT.

2. Hậu quả:

 - Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng .

 - Các cường quốc chi cho quân sự số tiền khổng lồ-chế tạo vũ khí huỷ diệt trong khi đó hàng tỉ người còn đang bị đói, bệnh dịch …

**IV.Thế giới sau chiến tranh lạnh:**

 - 12/1989, Mỹ và Lxô chấm dứt “chiến tranh lạnh”.

 - Biến chuyển của thế giới:

 + Xu thế hoà hoãn và hoà dịu trong quan hệ quốc tế.

 + Xác lập trật tự thế giới mới đa cực, nhiều trung tâm kinh tế.

 + Các nước ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng tâm.

 + Nhiều khu vực xảy ra cuộc xung đột quân sự, nội chiến…

**BÀI 12: NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU**

**CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC THUẬT**

**1. Những thành tựu chủ yếu, ý nghĩa lịch sử và tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai**.

 **\* Thời gian**: Từ đầu những năm 40 của TKXX

 \* Được **khởi đầu** từ nước Mĩ, sau đó CM KH- KT lan nhanh ra toàn thế giới

 **\* Nguồn gốc**: Do nhu cầu của cuộc sống con người, cụ thể là yêu cầu của kĩ thuật và sản xuất. Hơn nữa, từ đầu thế kỉ XX, nhân loại đang đứng trước những vấn đề to lớn: bùng nổ dân số, tài nguyên cạn kiệt, ô nhiễm môi trường. Điều đó đặt ra những yêu cầu mới đối với khoa học - kĩ thuật như tìm ra công cụ sản xuất mới có kĩ thuật cao, nguồn năng lượng mới, những vật liệu mới...

 Để phục vụ cho cuộc Chiến tranh thế giới hai, các bên tham chiến đều buộc phải nghĩ tới việc giải quyết tính cơ động của quân đội, các phượng tiên thông tin liên lạc, sản xuất ra những vũ khí có tính năng tàn phá và sát thương lớn

 Những thành tựu to lớn về KH-KT cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đã tạo tiền đề, thúc đẩy sự bùng nổ CM KH- KT lần thứ 2.

**\* Đặc điểm** của cuộc cách mạng này:

- Đặc điểm lớn nhất của cách mạng KH-KT lần 2: Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp; Khoa học đi trước mở đường cho kỹ thuật, mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Cách mạng khoa học và cách mạng kĩ thuật gắn liền với nhau, không tách rời nhau tạo thành cách mạng KH- KT .

- Cách mạng KH-KT lần 2 diễn ra trên quy mô rộng lớn, trong mọi ngành, mọi lĩnh vực, phát triển với tốc độ nhanh, đạt nhiều thành tựu kì diệu chưa từng thấy.

**\* Tại sao Mĩ lại là nước khởi đầu** cuộc CM KH- KT:

- Mĩ là nước có đội ngũ các nhà khoa học đông đảo bậc nhất trên thế giới.

- Mĩ có điều kiện kinh tế giàu mạnh, hệ thống các doanh nghiệp có tiềm lực. Chính phủ Mĩ có các chính sách và biện pháp đầu tư thúc đẩy các nghiên cứu và phát minh khoa học như: đầu tư vốn, xây dựng các phòng thí nghiệm, các trung tâm nghiên cứu…

- Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ có điều kiện hòa bình, nên thu hút nhiều nhà khoa học trên thế giới đến đây làm việc

**\* Thành tựu**: Trải qua hơn nửa thế kỉ, cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn trong nhiều lĩnh vực:

 Trước hết trong lĩnh vực Khoa học cơ bản: Con người đã có nhiều phát minh to lớn, đánh dấu những bước nhảy vọt trong các ngành: Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học…Dựa vào những phát minh khoa học cơ bản, con người đã ứng dụng kĩ thuật và sản xuất để phục vụ cuộc sống .Ví dụ: Tháng 3 năm 1997, các nhà khoa học đã phát minh raThuyết nhân bản vô tính; Tháng 6 năm 2000, tiến sĩ Cô lin đã công bố Bản đồ gen người. Với thành tựu khoa học này, người ta có thể chữa trị được nhưng căn bệnh nan y như tiểu đường, ung thư…

 Hại là phát minh ra những công cụ sản xuất mới trong đó thành tựu có ý nghĩa bậc nhất là sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động, hệ thống máy tự động, rôbốt...

Máy tính điện tử được đánh giá là một trong những thành tựu quan trọng nhất của thế kỉ XX, giúp con người tính toán hàng nghìn phép tính chỉ trong 1 giây, giúp các nhà nghiên cứu tình trạng nóng dần của trái đất, thảm họa động đất, song thần…

 Ba là: Tìm ra những nguồn năng lượng mới hết sức phong phú và vô tận: năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng thuỷ triều, năng lượng gió..góp phần khắc phục tình trạng các nguồn tài nguyên đang ngày càng cạn kiệt như than đá, dầu mỏ.

 Bốn là : Sáng chế ra những vật liệu sản xuất mới, quan trọng nhất là Polime (chất dẻo). Pô-li-me đang giữ vị trí quan trọng trong đời sống hàng ngày cũng như trong các ngành công nghiệp…

 Năm là thực hiện “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp với những biện pháp cơ khí hóa, hóa hóa, thủy lợi hóa… lai tạo giống mới, chống sâu bệnh. Nhờ đó, nhiều nước đã có thể khắc phục được nạn đói kéo dài, trầm trọng từ bao đời nay.

 Sáu là Có những tiến bộ thần kì trong lĩnh vực giao thông vận tải và thông tin liên lạc như máy bay siêu âm, tàu cao tốc, nhưng phương tiện thông tin liên lạc, phát sóng vô tuyến hết sức hiện đại qua hệ thống vệ tinh nhân tạo…

 Bảy là Trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ: con người đã có những tiến bộ phi thường: phóng tàu vũ trụ, tàu con thoi vào khoảng không vũ trụ, đưa con người đặt chân lên Mặt Trăng… nkhoa học vũ trụ và du hành vũ trụ đã có nhiều khám phá mới phục vụ cho cuộc sống con người trên Trái Đất.

\* Ý nghĩa và tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật:

 **Ý nghĩa**: Cuộc cách mạng KH- KT có ý nghĩa vô cung to lớn như một cột mốc chói lọi trong lịch sử văn minh loài người, mang lại những tiến bộ phi thường, những thay đổi kỳ diệu và to lớn trong cuộc sống con người.

 **Tác động:**

 Tích cực:

Cách mạng KH- KT cho phép con người thực hiện những bước nhảy vọt chưa từng thấy về năng suất lao động, nângcao đời sống vật chất và tinh thần của con người với những hàng hóa mới, tiện nghi sinh hoạt mới.

 Thay đổi cơ cấu dân cư lao động với xu hướng tỉ lệ dân cư lao động trong nông nghiệp và công nghiệp giảm dần, tỉ lệ dân cư trong các ngành dịch vụ gia tăng.

 Cách mạng KH- KT đã đưa loài người sang nền văn minh thứ ba - văn minh hậu công nghiệp còn gọi là văn minh trí tuệ.

 Tuy nhiện bên cạnh những tác động tích cực thì cách mạng Kh- KT cũng có những tác động tiêu cực: Chế tạo ra các loại vũ khí và các phương tiện quân sự có sức tàn phá và huỷ diệt sự sống

 Nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, dịch bệnh và tệ nạn xã hội...gia tăng đe dọa đến cuộc sống con người.

**\*Vì sao ngày nay, khoa học kĩ thuật lại trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp**?

-Trong cuộc cách mạng KH- KT hiện đại, mọi phát minh khoa học đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

- Khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật, kĩ thuật mở đường cho sản xuất. Khoa học tham gia trực tiếp và trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ khoa học và kĩ thuật.

**\* Cách mạng KH- KT đã tạo ra thời cơ và thách thức gì cho các dân tộc?**

**- Thời cơ:**

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mĩ, Anh Pháp, Nhật … đều áp dụng những tiến bộ khoa học kĩ thuật vào phục hồi và phát triển kinh tế. Đặc biệt nhất là vào năm 1973, thế giới lâm vào cuộc khủng hoảng dầu mỏ thì nhờ các thành tựu KH- KT, các nước tư bản đã thoát ra khủng hoảng và vươn lên đạt những đỉnh cao của nền kinh tế.

+ Cách mạng Kh- KT là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự tăng trưởng kinh tế cao và bền vững cho tất cả các quốc gia, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống cho con người.

+ Cách mạng KH- KT đã tạo điều kiện cho các dân tộc tham gia hội nhập quốc tế, qua đó nhằm phát triển và bảo vệ an ninh đất nước.

**- Thách thức:**

+ Do trình độ phát triển KH- KT giữa các nước không đồng đều nên khoảng cách giữa các nước phát triển và chậm phát triển ngày càng xa.

+ Sự cạnh tranh giữa các nền kinh tế ngày trở nên khốc liệt hơn.

+ Nếu không nhanh chóng bắt kịp tiến bộ KH- KT của thế giới thì sẽ bị tụt hậu

+ Cuộc cách mạng KH-KT cũng tạo ra sự cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, năng lực chất lượng lao động, năng lực quản lí, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

**\* Đảng và nhà nước ta cần phải làm gì trước những thời cơ và thách thức của cách mạng KH- KT? (Để bắt kịp những tiến bộ KH- KT của thế giới)**

- Việt Nam phải từng bước hội nhập, giao lưu với nền khoa học công nghệ của thế giới, để học tập kinh nghiệm, tiếp thu những thành tựu khoa học công nghệ của các nước phục vụ cho sự phát triển của kinh tế- xã hội của đất nước.

- Thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ, đặc biệt là sự đầu tư của các nước tiên tiến có nền khoa học và công nghệ phát triển cao như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapor

- Tham gia liên doanh, liên kết trong hoạt động khoa học và công nghệ với các đối tác nước ngoài

- Phát triển các chương trình hợp tác đào tạo nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao sẽ góp phần nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ những người làm khoa học hiện có và phát triển đội ngũ các nhà khoa học công nghệ trẻ.

- Đầu tư vốn cho các dự án khoa học công nghệ như xây dựng các trung tâm nghiên cứu, tổ chức các cuộc thi về Kh- KT…

**\* Trách nhiệm của bản thân trước tác động của cuộc cách mạng KH-KT**:

Ra sức học tập, nâng cao trình độ hiểu biết để tiếp thu, vận dụng những thành tựu của KH-KT vào cuộc sống, góp phần thúc đẩy KH-KT nước nhà phát triển

Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiến, học đi đôi với hành.

Không ngừng tìm tòi, sáng tạo, nghiên cứu để phát minh ra những công cụ, kĩ thuật… phục vụ học tập, lao động hiệu quả hơn

Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, giảm thiểu tai nạn giao thông, dịch bệnh…

Tuyên truyền vận động mọi người tích cực ứng dụng những mặt tích cực của KH-KT, hạn chế sử dụng những mặt trái vào mục đích xấu

**Bài 13**

**NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI**

**TỪ 1945 ĐẾN NAY**

Lịch sử thế giới hiện đại phần từ 1945 đến nay tuy chỉ dài hơn nửa thế kỉ nhưng là một giai đoạn diễn ra với biết bao sự kiện to lớn, phức tạp và có những đảo lộn bất ngờ.

**Đặc điểm lớn hầu như bao trùm cả giai đoạn này** là thế giới chia thành hai phe: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, do hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe. Hai siêu cường trong tình trạng đối đầu, Chiến tranh lạnh căng thẳng, quyết liệt.

**Các nội dung cơ bản** của lịch sử thế giới hiện đại từ 1945 đến nay:

+ CNXH từ một nước đã trở thành hệ thống thế giới gồm châu Âu, Á và Mĩ -La tinh. Từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, các nước CNXH phát triển nhanh về kinh tế, mạnh về quân sự và chính trị, có ảnh hưởng lớn đến lịch sử thế giới. Từ những năm 70 của thế kỉ XX do nhiều nguyên nhân, CNXH lâm vào khủng hoảng và sụp đổ. Đây là một tổn thất nặng nề trong phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

 + Phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ-La tinh đã giành được những thắng lợi to lớn. Đó là sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa và chế độ phân biệt chủng tộc, là sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập. Sau khi giành được độc lập, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng nhiều nước vẫn giành được nhiều thành tựu to lớn như Trung Quốc, Ấn Độ..Ngày nay, các nước Á, Phi, Mĩ-La tinh ngày càng tích cực tham gia và có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị thế giới .

 + Hệ thống tư bản chủ nghĩa có nhiều biến đổi. Sau khi phục hồi về kinh tế, các nươc tư bản chủ nghĩa đã có sự phát triển nhanh chóng, tiêu biểu là Nhật Bản, Đức. Nét nổi bật là Mĩ vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất ráo riết mưu đồ bá chủ thế giới. Nhưng Mĩ cũng phải chịu nhiều thất bại nặng nề như cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Các nước tư bản có xu hướng liên kết với nhau và hình thành liên minh châu Âu (EU). Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu trở thành các trung tâm kinh tế-tài chính thế giới.

 + Sau năm 1945, hình thành trật tự thế giới hai cực I-an-ta do Liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi cực dẫn đến Chiến tranh lạnh. Năm 1989, Mĩ, Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh, thế giới chuyển sang xu thế hòa hoãn và đối thoại

 + Cuộc CMKH-KT thế kỉ XX đạt được những tiến bộ phi thường và những thành tựu kì diệu. Là nhân tố quyết định đối với sự tăng trưởng kinh tế, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống. Cuộc cách mạng KH\_KT cũng làm thay đổi lịch sử của một số nước.

**BÀI 14 : VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT**

**I. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.**

**1.Nguyên nhân :**

 Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), Pháp tuy là nước thắng trận, nhưng đất nước bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế kiệt quệ.

Để bù đắp lại những thịêt hại do chiến tranh gây ra, thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa, trong đó có Việt Nam.

Mục đích: làm sao để bóc lột được nhiều nhất và kiếm lời được nhiều nhất.

**2 Nội dung.**

- Tăng cường đầu tư vốn mở rộng sản xuất với quy mô lớn, tốc độ nhanh,

- Nông nghiệp : tập trung vào đồn điền, chủ yếu là đồn điền cao su.

- Công nghiệp : chủ yếu là khai thác than đá, mở rộng một số cơ sở công nghiệp chế biến : nhà máy sợi Nam Định, rượu Hà Nội, nhà xay xát gạo Chợ Lớn...

- Thương nghiệp : Để nắm chặt thị trường Việt Nam và Đông Dương, tư bản Pháp đánh thuế nặng hàng hóa các nước nhập vào VN.

Giao thông vận tải : Được đầu tư phát triển thêm, đường sắt xuyên Đông Dương được nối liền nhiều đoạn : Đồng Đăng – Na Sầm, Vinh – Đông Hà.

- Tài chính : Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế.

- Thuế khóa : Đánh thuế nặng và đặt nhiều thứ thuế.

**Nhận xét:**

***\* Đặc điểm***: diễn ra với tốc độ và quy mô lớn chưa từng có từ trước đến nay.

***\* Tác động:*** Nền kinh tế tư bản thực dân tiếp tục được mở rộng và trùm lên nền kinh tế phong kiến. Cơ cấu kinh tế VN có chuyển biến, song chỉ mang tính cục bộ. Và suy cho cùng, đó là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp, trở thành thị trường độc chiếm của tư bản Pháp. Xã hội VN phân hóa sâu sắc, giai cấp mới hình thành, tạo tiền đề cho phong trào CM phát triển.

**II. Các chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục :**

 **1. Thủ đoạn về chính trị.**

 - Mọi quyền hành đều nằm trong tay người Pháp, vua quan Nam triều chỉ la bù nhìn tay sai. Nhân dân ta không được hưởng một chút quyền tự do dân chủ nào, mọi hành động yêu nước đều bị đàn áp khủng bố.

 - Thi hành chính sách chia để trị, chia nước ta thành 3 kì với ba chế độ khác nhau, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo.

 - Triệt để lợi dụng bộ máy địa chủ cường hào ở nông thôn về về bảo vệ quyền uy và sự thống trị của Pháp.

**2. Thủ đoạn về văn hóa, giáo dục.**

 - Thi hành chính sách văn hóa nô dịch nhằm gây cho nhân dân ta tâm lí tự ti, ra sức khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan, các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè...

 Trường học mở ra rất hạn chế, chủ yếu là các trường tiểu học, các trường trung học chỉ mở ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Các trường đại và cao đẳng ở Hà Nội thực chất chỉ là trường chuyên nghiệp.

 - Sách báo xuất bản công khai được lợi dụng triệt để vào việc tuyên truyền chính sách «  khai hóa » của thực dân và gieo rắc ảo tưởng hòa bình, hợp tác với thực dân cướp nước với vua quan bù nhìn bán nước.

 ***\* Mục đích*** : Phục vụ cho công cuộc đẩy mạnh khai thác, boc lột và củng cố bộ máy chính trị của thực dân Pháp.

**III**. **Xã hội Việt Nam phân hoá:**

 **1. Sự phân hóa, thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp.**

 Dưới tác động của cuộc khai thác, xã hội Việt Nam phân hóa ngày càng sâu sắc: bên cạnh những giai cấp cũ, nay xuất hiện những tầng lớp, giai cấp mới. Mỗi tầng lớp, giai cấp có quyền lợi và địa vị khác nhau, nên cũng có thái độ chính trị và khả năng cách mạng khác nhau:

 *Giai cấp địa chủ phong kiến* :bị phân hoá thành đại địa chủ, địa chủ vừa và nhỏ, một bộ phận trở thành tầng lớp tư sản. Bộ phận đại địa chủ chiếm nhiều ruộng đất, câu kết với thực dân Pháp bóc lột nông dân nên không có tinh thần cách mạng. Tuy nhiên cũng có một số bộ phận địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước, tham gia các phong trào yêu nước khi có điều kiện.

 *Tầng lớp tư sản:* ra đời sau chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng ít, dưới tác động của cuộc khai thác, phân hoá làm hai bộ phận: tư sản mại bản và tư sản dân tộc. Tư sản mại bản có quyền lợi gắn chặt với đế quốc nên câu kết chặt chẽ với đế quốc áp bức bóc lột nhân dõn nên không có tinh thần cách mạng. Bộ phận tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh độc lập nên có tinh thần dân tộc, dân chủ, nhưng thái độ không kiên định.

 *Tầng lớp tiểu tư sản*: tăng nhanh về số lượng sau chiến tranh thế giới thứ nhất, bị Pháp chèn ép, bạc đói nờn cú đời sống bấp bênh. Bộ phận trí thức có tinh thần hăng hái cách mạng. Đó là lực lượng quan trọng của cách mạng dân tộc, dân chủ.

 *Giai cấp nông dân*: chiếm hơn 90% số dân, bị thực dân, phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, bị bần cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn. Đây là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

 *Giai cấp công nhân*: ra đời từ cuộc khai thác lần thứ nhất của Pháp (với 10 vạn) và phát triển nhanh trong cuộc khai thác lần thứ hai (22 vạn-năm1929). Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng: bị ba tầng áp bức bóc lột (đế quốc, phong kiến, tư sản người Việt); có quan hệ tự nhiên gắn bó với nông dân; kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc; sống tập trung. Đặc biệt, giai cấp công nhân Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đó tiếp thu ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới, nhất là của chủ nghĩa Mác-Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga.

 Do đó, giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập, đi đầu trên mặt trận chống đế quốc phong kiến, nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta. Đây là giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến toàn thắng.

 **\* Nhận xét:** Từ sau CTTG I đến cuối những năm 20 của TK XX, VN có những chuyển biến quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục. Sự biến đổi về kinh tế quyết định sự biến đổi về XH, nhất là sự phân hóa giai cấp ngày càng sâu sắc, làm cho XH VN có đầy đủ giai cấp của xã hội hiện đại. Những giai cấp mới là cơ sở để tiếp nhận tư tưởng mới, cùng với đó những mâu thuẫn trong XH VN ngày càng sâu sắc, đặc biệt mâu thuẫn giữa dân tộc VN với TD Pháp và tay sai, đẩy tinh thần CM của đại bộ phận ND VN lên một độ cao mới.

 **Bài 15: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CTTG THỨ NHẤT (1919 - 1925)**

**I. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới** Cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công làm cho phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước tư bản phương Tây có sự gắn bó mật thiết với nhau.

 Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng dâng cao trên toàn thế giới, dẫn tới một loạt các đảng cộng sản được thành lập ở châu Âu nhưng hoạt đông riêng rẽ. Trước bối cảnh đó, Quốc tế ba (Quốc tế Cộng sản) được thành lập (1919) nhằm thống nhất và phát triển phong trào cách mạng thế giới. Ngay sau đó một loạt các ĐCS tiếp tục được thành lập ở các nước đế quốc và các nước thuộc địa, phụ thuộc: ĐCS Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921)...

 Năm 1920, Quốc tế thứ ba thông qua "Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa", sự kiện này tác động đến việc lựa chọn con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc: đến với chủ nghĩa Mác Lê-nin và lựa chọn con đường cách mạng vô sản.

 Trào lưu dân chủ tư sản vẫn còn ảnh hưởng nhất định đối với một bộ phận người Việt yêu nước.

 Hoàn cảnh thế giới trên đã tạo điều kiện thuận lợi để chủ nghĩa Mác Lê-nin ngày càng được truyền bá sâu rộng vào nước ta. Đồng thời làm bùng lên phong trào đấu tranh mới.

**II. Phong trào dân tộc, dân chủ công khai**

 **1. Phong trào của giai cấp tư sản**

 **a. Nguyên nhân**

 Giai cấp tư sản Việt Nam nhân đà làm ăn thuận lợi, muốn vươn lên giành vị trí khá hơn trong nền kinh tế Việt Nam.

 **b. Các hình thức đấu tranh (diễn biến)**

 Từ năm 1919, tư sản Việt Nam tổ chức tẩy chay hàng hóa Hoa kiều, phát động phong trào ‘‘chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa’’. Năm 1923 đấu tranh chống thức dân Pháp độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kì. Năm 1923 thành lập Đảng Lập hiến, đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do dân chủ, để tập hợp lực lượng đấu tranh với thực dân Pháp. Họ còn mở các cuộc vận động đòi tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do buôn bán.

 **c. Mục tiêu, tính chất, những mặt tích cực và hạn chế của phong trào (nhận xét)**

 - Mục tiêu: đòi quyền lợi về kinh tế, chống tư bản nước ngoài chèn ép, đòi tự do dân chủ,.

 - Tính chất: yêu nước, dân chủ tư sản, cải lương và thỏa hiệp

 - Tích cực: mạng tính chất dân chủ, yêu nước, tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng gây áp lực với thực dân Pháp, chống sự cạnh tranh, chèn ép của tư sản nước ngoài.

 - Hạn chế: Giai cấp tư sản sẵn sàng thỏa hiệp với thực dân Pháp khi được chúng cho một số quyền lợi, nên phong trào giới hạn trong khuôn khổ chế độ thực dân, phục vụ tầng lớp trên, và nhanh chóng bị phong trào của quần chúng vượt qua.

 **2.** **Phong trào của giai cấp tiểu tư sản**

 **a. Nguyên nhân**

Giai cấp tiểu tư sản gồm: chủ xưởng, những người buôn bán nhỏ, học sinh, sinh viên, trí thức…. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp này tăng nhanh về số lượng, cuộc sống không ổn định, có tinh thần yêu nước, có ý thức dân tộc dân chủ, sớm tiếp thu tư tưởng mới, nên đấu tranh chống thực dân Pháp. Đặc biệt là bộ phận trí thức, học sinh, sinh viên rất hăng hái tham gia cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc.

 **b. Các hình thức đấu tranh (diễn biến)**

Năm 1923, một số thanh niên yêu nước ở Quảng Châu (TQ) lập ra tổ chức Tâm tâm xã. Năm 1924, Phạm Hồng thái thực hiện mưu sát Toàn quyền Đông Dương Méc-lanh, tuy không thành công, nhưng khích lệ tinh thần đấu tranh của nhân dân, nhất là tầng lớp thanh niên yêu nước.

 Ở trong nước, tầng lớp tiểu tư sản sôi nổi đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ; thành lập một số tổ chức chính trị (như hội Phục Việt, Hưng Nam, Việt Nam nghĩa hòa đoàn, Đảng Thanh niên), xuất bản nhiều tờ báo (bằng tiếng Pháp có: An Nam trẻ, Người nhà quê, Chuông rè; báo bằng tiếng Việt: Hữu Thanh, Đông Pháp thời…) Một số nhà xuất bản tiến bộ như Nam đồng thư xã (Hà Nội), Cường học thư xã (Sài Gòn), Quan hải tùng thư (Huế)… đã phát hành nhiều loại sách tiến bộ.

Hoạt động tiêu biêu của **t**iểu tư sản đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả tự do cho cụ Phan Bội Châu (1925), đưa tang Phan Chu Trinh (1926), đòi thả nhà yêu nước Nguyễn An Ninh (1926).

 **c. Mục tiêu, tính chất, những mặt tích cực và hạn chế của phong trào (nhận xét)**

 - Mục tiêu: chống cường quyền, áp bức, đòi các quyền tự do dân chủ.

 - Tính chất: yêu nước, dân chủ tư sản, dân chủ rõ rệt.

 - Tích cực: thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng tự do, dân chủ trong nhân dân, tư tưởng cách mạng mới.

 - Hạn chế: Chưa tổ chức được chính đảng, đấu tranh mang tính xốc nổi, ấu trĩ.

**\*** **Nhìn chung** PT dân tộc, dân chủ công khai ở nước ta thời kì này phát triển mạnh mẽ, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia với nhiều hình thức đấu tranh phong phú, sôi nổi.

**III. Phong trào công nhân ( 1919-1925 )**

 **1. Bối cảnh**

 *- Thế giới:* Ảnh hưởng của các cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Pháp, cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Trung Quốc ở Hương Cảng, Áo Môn, Thượng Hải... đã cổ vũ, động viên công nhân Việt Nam đứng dậy đấu tranh.

 *- Trong nước:*

+ Phong trào dân tộc, dân chủ công khai tuy còn tự phát nhưng ý thức giai cấp cao hơn, tạo điều kiện cho các tổ chức, phong trào chính trị.

+ Năm 1920, tổ chức công hội bí mật ở Sài Gòn ra đời do Tôn Đức Thắng đứng đầu lãnh đạo phong trào đấu tranh.

 **2. Diễn biến-Cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8/1925) – mốc quan trọng trên con đường phát triển của phong trào công nhân VN**

 **-** Năm 1922, công nhân, viên chức các sở công thương của tư nhân ở Bắc Kì đòi chủ tư bản người Pháp cho họ nghỉ ngày chủ nhật có trả lương.

**-** Từ 1923-1924 nhiều cuộc bãi công của công nhân nổ ra ở Hà Nội, Nam Định, Hải Dương vvv…

Tuy nhiên các cuộc đấu tranh của công nhân giai đoạn này còn mang nặng tính tự phát, lẻ tẻ, chỉ đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế.

 - Đặc biệt tháng 8/1925, công nhân xưởng Ba Son ở Sài Gòn đã bãi công không chịu sửa chiến hãm Mi-sơ-lê của Pháp trước khi chiến hãm này chở lính sang đàn áp phong trào CM của nhân dân và thủy thủ trung Quốc. Cuộc bãi công nổ ra với yêu sách tăng 20% lương và phải để cho những công nhân mất việc quay lại làm việc. Cuộc bãi công nhận được sự ủng hộ của công nhân, viên chức Sài Gòn-Gia Định. Sau hơn 1 tuần, cuộc bãi công đã buộc giới chủ Pháp tăng 10% lương cho công nhân, và khi chiến hãm Mi-sơ-lê sang Trung Quốc thì cuộc đấu tranh ở đây đã kết thúc thắng lợi.

 - Nhận xét về cuộc bãi công của công nhân Ba Son: Nếu như các cuộc đấu tranh của công nhân trước đó chủ yếu vì mục đích kinh tế, thiếu tổ chức lãnh đạo, mang tính tự phát thì cuộc bãi công của công nhân Ba Son là cuộc đấu tranh đầu tiên có tổ chức, lãnh đạo (do Công hội-Tôn Đức Thắng lãnh đạo), có phối hợp nhiều nơi, thể hiện tinh thần quốc tế vô sản, đấu tranh không chỉ nhằm mục đích kinh tế (tăng lương) mà còn vì mục tiêu chính trị (ủng hộ cuốc đấu tranh của công nhân Trung Quốc). Họ đã tỏ rõ sức mạnh giai cấp và tinh thần quốc tế vô sản.

 => Từ cuộc bãi công Ba Son (8/1925), giai cấp công nhân Việt Nam chuyển từ đấu tranh “tự phát” sang đấu tranh “tự giác”.

**BÀI 16**

**HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM 1919 - 1925**

**I. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917 – 1923)**

* 18/6/1919: Người gửi đến Hội nghị Véc – xai bản yêu sách của nhân dân An Nam

**=>**Gây tiếng vang lớn

* 7/1920: Người đọc sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê – Nin.

**=>**Tìm ra con đường giành độc lập cho dân tộc.

* 12/1920: Người tham gia Đại hội của Đảng xã hội Pháp ở Tua, quyết định gia nhập quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp.

**=>**Trở thành người Đảng viên cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

**II. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 – 1924)**

* Tháng 6/1923 Người từ Pháp đến Liên Xô dự hội nghị quốc tế nông dân.
* Năm 1924 dự đại hội lần V của quốc tế cộng sản

**=>**Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.

**III. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924 – 1925)**

* Cuối năm 1924 Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu – Trung Quốc.
* Tháng 6 năm 1925, thành lập “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên” nòng cốt là “ Cộng Sản Đảng”.

**=>**Là một tổ chức cách mạng theo xu hướng vô sản, có tổ chức chặt chẽ và có hệ thống.

**\*Hoạt động của hội VNCMTN:**

* Mở các lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng.
* Chọn một số người sang Liên Xô học
* Tháng 6/1925 xuất bản báo Thanh niên.
* Năm 1927 tác phẩm, đường cách mệnh ra đời.

**=>**Bí mật tuyên truyền về nước. Năm 1928 thực hiện chủ trương “ Vô sản hóa”.

**Bài 17: Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.**

**I. Bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam (1926 - 1927).**

 + Trong hai năm 1926 - 1927, nhiều cuộc bãi công của công nhân liên tiếp nổ ra như các cuộc bãi công của nhà máy sợi Nam Định, đồn điền cao su Cam Tiêm và Phú Riềng,...

 + Phong trào mang tính thống nhất trong toàn quốc và mang tính chính trị, có sự liên kết với nhau ở nhiều ngành, nhiều địa phương. Tình hình đó chứng tỏ trình độ giác ngộ của giai cấp công nhân đã nâng lên.

 + Phong trào nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác phát triển thành một làn sóng cách mạng dân tộc dân chủ khắp cả nước, nhiều tổ chức cách mạng lần lượt ra đời.

 =>Tất cả các cuộc đấu tranh trên thể hiện tính tiên phong của giai cấp công nhân trong phong trào dân tộc bắt đầu được biểu hiện rõ rệt.Tạo điều kiện cho các tổ chức cộng sản ra đời.

 II**. Tân Việt Cách mạng Đảng (7 - 1928).**

 + Hội Phục Việt sau nhiều lần đổi tên, đến tháng 7 - 1928, lấy tên là Tân Việt Cách mạng Đảng.

 + Thành phần của đảng: chủ yếu là những trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước.

 + Địa bàn hoạt động: chủ yếu ở Trung Kì.

 + Hoạt động:

 - Khi mới thành lập, mới là một tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt.

 - Do ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nhiều đảng viên của Tân Việt đã đi theo Hội.

 - Nội bộ Tân Việt đã phân hóa thành hai khuynh hướng: khuynh hướng cải lương (đứng trên lập trường quốc gia tư sản) và khuynh hướng vô sản.

 - Những đảng viên tích cực nhất của Tân Việt đã họp lại, chuẩn bị thành lập một Đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

+ Ý nghĩa***:*** Góp phần khơi dậy tinh thần đấu tranh trong quần chúng nhân dân và thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển.

**IV. Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929.**

 ***+ Hoàn cảnh:*** Cuối năm 1928 đến đầu năm 1929, phong trào dân tộc, dân chủ ở nước ta, đặc biệt là phong trào công nhân đi theo con đường cách mạng vô sản phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu phải có một chính đảng của giai cấp vô sản để lãnh đạo cách mạng.

 ***+ Quá trình ra đời:***

 - 3/1929: Một số hội viên tiến tiến của VNCMTN Hội ở Bắc Kỳ đã lập chi bộ Cộng sản đầu tiên tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội).

 - 5/1929: Tại Đại Hội I của VNCMTN Hội họp ở Hương Cảng, đại biểu Thanh niên Bắc Kỳ đề nghị thành lập Đảng cộng sản nhưng không được chấp nhận, họ bỏ Đại hội về nước.

 -17/ 6/1929: Nhóm trung kiên Cộng sản Bắc kỳ họp đại hội quyết định thành lập Đông Dương CSĐ thông qua tuyên ngôn , điều lệ Đảng, ra báo Búa liềm. Đảng mới ra đời được quần chúng nhân dân ủng hộ, hoạt động chủ yếu ở Bắc Kỳ.

 - Sau khi Đông dương cộng sản đảng thành lập, các hội viên tiên tiến của Hội Việt nam cách mạng thanh niên ở Nam Kỳ và ở Trung Quốc quyết định thành lập An Nam cộng sản Đảng (7/1929).

 - Sự ra đời của hai tổ chức ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ đã tác động mạnh tới Tân Việt. Các đảng viên tiên tiến của Tân Việt từ lâu đã chịu ảnh hưởng của Hội Việt nam cách mạng thanh niên cũng tách ra để thành lập Đông dương cộng sản liên đoàn (9/1929).

***+ Ý nghĩa lịch sử:*** Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong vòng chưa đầy 4 tháng, chứng tỏ tư tưởng cộng sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc, chứng tỏ các điều kiện thành lập đảng cộng sản ở Việt Nam đã chín muồi.

**Bài 18: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.**

**I. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

 **+ Hoàn cảnh lịch sử:**

- Phong trào công nhân và phong trào nông dân phát triển rất mạnh do tác động của CN Mác - Lênin, trong đó giai cấp công nhân đã trở thành lực lượng tiên phong.

 - Ba tổ chức cộng sản ra đời trong năm 1929 song lại hoạt động riêng rẽ, công kích, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, không có lợi cho phong trào cách mạng.

 - Yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Namlà phải có một chính đảng thống nhất trong cả nước. Quốc tế Cộng sản đã ủy nhiệm cho Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Hội nghị đã họp từ (ngày [6 tháng 1](http://vi.wikipedia.org/wiki/6_th%C3%A1ng_1) năm [1930](http://vi.wikipedia.org/wiki/1930) đến ngày [7 tháng 2](http://vi.wikipedia.org/wiki/8_th%C3%A1ng_2) năm 1930), tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc).

 **+ Nội dung Hội nghị:**

- Hội nghị đã tán thành việc thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

 - Thông qua Chính cương , Sách lược và Điều lệ (vắn tắt) của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Nội dung của chính cương, sách lược vắn tắt: (Đó là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam.. Mang tính chất dân tộc và giai cấp sâu sắc).

 - Nguyễn Ái Quốc đã ra lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng. Ngày 24 - 2 - 1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn cũng gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Như vậy, ba tổ chức cộng sản đã hợp nhất thành một đảng duy nhất.

 **+ Ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng:**

 - Hội nghị có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng

 - Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đề ra đường lối cơ bản cho cách mạng Việt Nam.

 **II. Luận cương chính trị (10/1930)**

***+ Hội nghị lần thứ nhất BCH TW Đảng họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) tháng 10 - 1930, đã quyết định:***

- Đổi tên đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Bầu Ban Chấp hành TW chính thức và cử Trần Phú làm Tổng Bí thư.

- Thông qua Luận cương chính trị do Trần Phú khởi thảo..

***+ Nội dung cơ bản của Luận cương:***

- Khẳng định tính chất của CM Đông Dương lúc đầu là một cuộc CM tư sản dân quyền, sau đó bỏ qua thời kì TBCN mà tiến thẳng lên con đường XHCN.

- Nhiệm vụ của cách mạng TSDQ: Đánh đổ ĐQ và PK, hai nhiệm vụ này quan hệ khăng khít với nhau.

- Động lực chính của CM: Công nhân và nông dân, trong đó giai cấp vô sản lãnh đạo.

- Vị trí CM VN: Quan hệ mật thiết với CMTG.

- Phương pháp đấu tranh: Đảng phải coi trọng việc vận động tập hợp lực lượng đa số quần chúng,...phải liên lạc mật thiết với vô sản và các dân tộc thuộc địa nhất là vô sản Pháp. Điều cốt yếu cho sự thắng lợi của CMVN là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

 **III. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng:**

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở VN; là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước VN.

- Là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, khẳng định giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng, chấm dứt khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo cách mạng.

- Từ đây cách mạng Việt Nam đã trở thành bộ phận của cách mạng thế giới.

- Là sự chuẩn bị có tính tất yếu, quyết định những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng VN.

**\* Vai trò của Nguyễn ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng.**

 + Trực tiếp tổ chức và chủ trì Hội nghị thành lập ĐCS Việt Nam tại Hương Cảng - TQ.

 + Phê phán những hành động thiếu thống nhất của các tổ chức cộng sản trong nước, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hợp nhất các tổ chức Cộng sản thành một ĐCS duy nhất.

 + Viết và thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, điều lệ vắn tắt. Đây được coi là cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

 + Đề ra kế hoạch để các tổ chức cộng sản về nước xúc tiến việ hợp nhất, dồi đi đến thành lập ĐCS VN.

**Bài 19: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

**TRONG NHỮNG NĂM 1930-1935**

**I. Việt Nam trong thời kì khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933:**

          - Nền kinh tế Việt Nam phải chịu những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933): nông nghiệp công nghiệp đều bị suy sụp; xuất khẩu đình đốn, hàng hóa khan hiếm…

          - Đời sống mọi tầng lớp, giai cấp đều bị ảnh hưởng sâu sắc: công nhân bị thất nghiệp, nông dân bị mất đất, sưu cao thuế nặng, tiểu thương, viên chức, trí thức điêu đứng… Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng gay gắt.

          - Trong khi đó Pháp còn đẩy mạnh khủng bố, đàn áp… làm cho tinh thần cách mạng của nhân dân ta ngày càng lên cao.

          - Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh chống đế quốc và phong kiến tay sai.

 **II. Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh.**

1. **Diễn biến:**

          - Từ tháng 2 đến tháng 5-1930 đã diễn ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân: Từ tháng 2-1930 đã nổ ra cuộc bãi công của 3000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng. Tháng 4-1930. Nổ ra bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định,nhà máy cưa Bến thủy, nhà máy xi măng Hải Phòng, đồn điền Cao su Dầu Tiếng và phong trào đấu tranh của nông dân Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh…

          - Phong trào nổ ra mạnh mẽ từ tháng 5. Ngày 1-5-1930: công nhân và nông dân mít-tinh kỉ niệm ngày Quốc tế lao động. Từ thành phố đến nông thôn trong cả nước đã xuất hiện nhiều truyền đơn, cờ Đảng, mít-tinh, bãi công, biểu tình, tuần hành… Các cuộc đáu tranh của công nhân đã nổ ra trong các xí nghiệp ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai, Cẩm Phả, Vinh – Bến Thủy, Sài Gòn – Chợ Lớn…

Các cuộc đấu tranh của nông dân cũng nổ ra ở nhiều địa phương các tỉnh Thái Bình, Hà Nam, Kiến An, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định và hầu như khắp các tỉnh nam Kỳ.

          - Nghệ - Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ nhất:

           + Tháng 9/1930, phong trào công - nông phát triển đến đỉnh cao với những cuộc đấu tranh quyết liệt như: tuần hành, thị uy, biểu tình có vũ trang tự vệ, tấn công cơ quan chính quyền địch.

           + Chính quyền của đế quốc, phong kiến nhiều nơi bị tê liệt, nhiều xã tan rã. Các ban chấp hành nông hội xã do các chi bộ Đảng lãnh đạo đứng ra quản lý mọi mặt đời sống chính trị và xã hội ở nông thôn, làm nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô-viết. Lần đầu tiên nhân dân ta thực sự nắm chính quyền ở một số huyện ở hai tỉnh Nghệ - Tĩnh.

           + Chính quyền cách mạng đã kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, bãi bỏ các thứ thuế, thực hiện quyền tự do dân chủ, chia lại ruộng đất cho nông dân, bắt địa chủ giảm tô, xóa nợ, khuyến khích nhân dân học chữ quốc ngữ, bài trừ mê tín dị đoan và các hủ tục…

1. **Ý nghĩa của phong trào:**

 - Phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đã giáng một đòn quyết liệt đầu tiên vào bè lũ đế quốc và phong kiến tay sai.

          - Qua thực tiễn phong trào cho thấy dưới sự lãnh đạo của Đảng thì giai cấp công nhân, nông dân đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc và phong kiến tay sai.

          - Đó là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị cho sự thắng lợi của cách mạng tháng Tám sau này.

- Phong trào để lại nhiều bài học kinh nghiệm:  Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng, về xây dựng khối liên minh công - nông, về sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành chính quyền, về xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân.

         **3. Xô viết Nghệ - Tĩnh là chính quyền cách mạng của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng:**

- Từ tháng 2 đến tháng 5/1930, diễn ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân trong cả nước. Nhân ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, lần đầu tiên công nhân, nông dân Đông Dương tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới…

- Nghệ - Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh nhất. Tháng 9/1930, phong trào công – nông phát triển đến đỉnh cao với những cuộc đấu tranh quyết liệt như: tuần hành thị uy, biểu tình có vũ trang…

- Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, bộ máy chính quyền của thực dân và phong kiến tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, nhiều nơi bị tan rã.

- Trước tình hình đó, nhiều cấp ủy Đảng ở thôn xã đã lãnh đạo nhân dân đứng ra quản lí đời sống kinh tế, chính trị ở địa phương, làm chức năng của chính quyền cách mạng theo kiểu chính quyền Xô viết.

- Hoạt động của chính quyền Xô viết:

           + Chính trị: Chính quyền cách mạng kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng. Thực hiện các quyền tự do dân chủ, lập các tổ chức quần chúng: Hội tương tế, Công hội, Nông hội…., tổ chức các cuộc mít tinh hội nghị để tuyên truyền, giáo dục ý thức chính trị cho quần chúng.

+ Kinh tế: Chia lại ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, xóa nợ, bãi bỏ các thứ thuế vô lí.

+ Văn hóa, xã hội: Khuyến khích nhân dân học chữ quốc ngữ, bài trừ mê tín dị đoan và các hủ tục lạc hậu…

          + Về quân sự: Mỗi làng đều có các đội tự vệ vũ trang, nhờ đó trật tự trị an làng xóm được bảo đảm, nạn trộm cướp không còn.

Tất cả những việc làm trên đã chứng tỏ Xô viết  Nghệ - Tĩnh thực sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng (của dân, do dân, vì dân).

**4. Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.**

 - Mặc dù thất bại nhưng Phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh là thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển tiếp theo của cách mạng nước ta. Phong trào đã tạo ra những nhân tố đầu tiên đảm bảo cho thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp cách mạng.

- Phong trào đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng. Qua phong trào này, uy tín của Đảng được xác lập trong quần chúng. Phong trào chứng tỏ đường lối cách mạng của Đảng là đúng đắn, đáp ứng được nguyện vọng cơ bản của quần chúng nhân dân, đó là “độc lập dân tộc” và “ruộng đất cho dân cày”

- Một kết quả to lớn nữa là phong trào đã xây dựng được trong thực tế khối liên minh công nông.

- Qua phong trào, lần đầu tiên quần chúng đã sáng tạo ra một hình thức chính quyền mới, một mô hình xã hội mới ở nước ta.

- Phong trào để lại nhiều bài học kinh nghiệm:  Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng, về xây dựng khối liên minh công - nông, về sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành chính quyền, về xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân...

          Chính vì những lẽ trên, phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.

**Bài 20: CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ**

**TRONG NHỮNG NĂM 1936-1939**

**1. Tình hình thế giới và trong nước thời kì 1936-1939.**

 **- Tình hình thế giới:**

+ Chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền ở một số nước (Đức, Italia, Nhật) đe dọa nền dân chủ và hoà bình thế giới.

+ Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (tháng 7 năm 1935 ở Liên Xô) chỉ ra kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới và vận động thành lập ở mỗi nước Mặt trận nhân dân, tập hợp các lực lượng tiến bộ để chống phát-xít.

+ Năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm chính quyền ở Pháp, ban bố những chính sách tiến bộ áp dụng cho cả thuộc địa.

**- Tình hình trong nước:**

 + Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế cùng với chính sách phản động của thực dân Pháp ở thuộc địa đã làm cho đời sống nhân dân ta càng cực khổ.

+ Năm 1936, Mặt trận nhân dân Pháp lên nắm quyền (1936), ban bố một số chính sách tiến bộ đối với các thuộc địa.Một số tù chính trị được thả, cách mạng có điều kiện phục hồi và chuyển sang thời kỳ đấu tranh mới.

 + Tháng 7 năm 1936, Hội nghị trung ương lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương họp, đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược mới.

**2. Chủ trương của Đảng trong thời kì 1936-1939.**

- Đảng đã xác định kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này là bọn phản động Pháp cùng bè lũ tay không chịu thi hành các chính sách của mặt trận nhân dân Pháp ở thuộc địa.

          - Tạm hoãn các khẩu hiệu: “Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập” và “Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân nghèo”

- Nêu nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là: chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

          - Thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương nhằm tập hợp mọi lực yêu nước, dân chủ tiến bộ, đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và bảo vệ hòa bình thế giới.

          - Hình thức và phương pháp đấu tranh: Tận dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai để lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

**3. Những sự kiện tiêu biểu nhất trong cao trào dân chủ 1936-1939 và ý nghĩa của cao trào.**

**a) Những sự kiện tiêu biểu:**

- Phong trào Đông Dương đại hội (giữa 1936).

- Phong trào “đón rước” phái viên Chính phủ Pháp và Toàn quyền mới Đông Dương (đầu 1937).

          - Tổng bãi công của công nhân Công ti than Hòn Gai (11/1936) và cuộc bãi công của công nhân xe lửa Trường Thi – Vinh (7/1937).

          - Cuộc mít tinh 1/5/1938, tại Khu Đấu Xảo – Hà Nội với 2,5 vạn người tham gia.

          - Trong phong trào báo chí công khai: nhiều tờ báo của Đảng, Mặt trận ra đời như: Tiền phong, Dân chúng, Lao động… nhằm truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin và chính sách của Đảng.

**b) Ý nghĩa của cao trào:**

- Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là một cao trào cách mạng dân chủ, dân tộc rộng lớn.

- Qua phong trào trình độ chính trị, công tác của cán bộ, đảng viên được nâng cao, uy tín, ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng; các tổ chức Đảng được củng cố, phát triển; tư tưởng Mác- Lênin, đường lối chính sách của Đảng và Quốc tế cộng sản được tuyên truyền, phổ biến sâu rộng.

          - Quần chúng được giác ngộ, tập dượt đấu tranh, một đội quân chính trị hùng hậu được hình thành và có nhiều kinh nghiệm.

- Phong trào còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cho cách mạng giai đoạn sau: Đó là bài học về tổ chức , tập hợp quần chúng đấu tranh, bài học về sử dụng hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú.

- Phong trào là cuộc tập dượt lần thứ hai chuẩn bị cho cuộc cách mạng tháng Tám.

**4. Nhận xét gì về phong trào đấu tranh thời kì 1936-1939:**

- Phong trào cách mạng 1936-1939 là phong trào quần chúng rộng rãi, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia ở cả nông thôn và thành thị trên phạm vi cả nước, hình thức đấu tranh phong phú với mục đích đòi tự do, dân chủ.

**5. So sánh chủ trương, sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh trong thời kì 1936-1939 với thời kì 1930-1931:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Thời kì 1930-1931** | **Thời kì 1936-1939** |
| ***Xác định kẻ thù*** | Đế quốc, phong kiến | Bọn phản động Pháp và tay sai |
| ***Nhiệm vụ*** | - Chống đế quốc giành độc lập dân tộc.- Chống phong kiến giành ruộng đất cho dân cày. | Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình. |
| ***Mặt trận*** |   | Thành lập mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương sau đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương nhằm tập hợp mọi lực lượng dân chủ tiến bộ. |
| ***Hình thức đấu tranh*** | Bí mật, bất hợp pháp. Bạo động vũ trang. | Hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai nửa công khai.Đấu tranh chính trị |

Như vậy so với thời kì 1930-1931, chủ trương, sách lược và hình thức đấu tranh trong thời kì này đều có nét khác. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là do hoàn cảnh lịch sử thay đổi so với trước. Đặc biệt, Mặt trận nhân Pháp đã ban hành các chính sách về tự do dân chủ và ân xá tù chính trị cho các nước thuộc địa. Tận dụng cơ hội này Đảng ta chủ trương đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ.

**Bài 21. Việt Nam trong những năm 1939 – 1945**

**I. Tình hình thế giới và Đông Dương:**

**1. Tình hình thế giới:**

- Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

- Tháng 6/1940, Pháp đầu hàng phát xít Đức.

- Ở Viễn Đông, Nhật Bản đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc và cho quân tiến sát biên giới Việt – Trung.

**2. Tình hình Đông Dương:**

- Thực dân Pháp ở Đông Dương đứng trước hai nguy cơ:

+ một là ngọn lửa cách mạng giải phóng của nhân dân Đông Dương sớm muộn sẽ bùng cháy;

+ hai là phát xít Nhật đang lăm le hất cẳng chúng.

- Tháng 9/1940, Nhật nhảy vào Đông Dương.

- Ngày 23/7/1941, Pháp và Nhật kí bản *“Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương”.*

- Nhật và Pháp ra sức bóc lột nhân dân Đông Dương để phục vụ nhu cầu chiến tranh, đẩy nhân dân ta tới chỗ cùng cực.

🡪 Nhân dân ta rơi vào cảnh *“một cổ hai tròng”*.

- Hậu quả, cuối năm 1944 đầu năm 1945, có gần 2 triệu đồng bào ta chết đói.

**II. Những cuộc nổi dậy đầu tiên:**

**1. Khởi nghĩa Bắc Sơn (27/9/1940):**

***\* Nguyên nhân:***

- Ngày 23/9/1940, Nhật đánh vào Lạng Sơn, Pháp thua, chạy qua châu Bắc Sơn.

- Nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương nổi dậy, thành lập chính quyền cách mạng (27/9/1940).

***\* Diễn biến chính:***

- 27/9/1940, nhân dân địa phương tước khí giới của Pháp, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng.

- Nhật – Pháp thỏa hiệp, Pháp tập trung lực lượng đàn áp nhân dân Bắc Sơn: dồn dân, bắt giết cán bộ, đốt phá nhà cửa…

***\* Kết quả, ý nghĩa:***

- Thất bại do Pháp và Nhật cấu kết đàn áp.

- Thể hiện tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm của nhân dân ta.

- Đội du kích Bắc Sơn được lập trong khởi nghĩa và tiếp tục được duy trì, sau này trở thành lực lượng vũ trang nòng cốt của Đảng.

**2. Khởi nghĩa Nam Kì (23/11/1940):**

***\* Nguyên nhân:***

- Binh lính người Việt trong quân đội Pháp bị điều đi biên giới Lào – Cam-pu-chia để chống Thái Lan 🡪 bất mãn chống lại.

- Phong trào phản kháng của binh lính lan rộng, nhân dân cũng sẵn sàng nổi dậy.

- Tình thế cấp bách, Đảng bộ Nam Kì quyết định khởi nghĩa.

***\* Diễn biến chính:***

- Kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, Pháp tước vũ khí của binh lính người Việt, ra lệnh giới nghiêm và bủa lưới vây bắt các chiến sĩ cách mạng.

- Đêm 22 rạng sang 23/11/1940, khởi nghĩa bùng nổ khắp các tỉnh Nam Kì.

- Lần đầu tiên, lá cờ đỏ sao vàng 5 cánh xuất hiện.

- Pháp tập trung lực lượng đàn áp.

***\* Kết quả, ý nghĩa:***

- Pháp đàn áp dã man nhân dân. Đảng bị tổn thất nặng, một số cán bộ và nghĩa quân rút vào hoạt động bí mật chờ cơ hội hoạt động trở lại.

- Để lại nhiều bài học: xây dựng lực lượng, đấu tranh du kích, chọn thời cơ hành động…

**Bài 22. Cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945**

**I. Mặt trận Việt Minh ra đời (19/5/1941):**

**1. Hoàn cảnh lịch sử:**

- Tháng 6/1941, Đức sau khi thôn tính gần hết châu Âu, mở cuộc tấn công Liên Xô.

- Thế giới hình thành hai trận tuyến:

+ một bên là lực lượng dân chủ do Liên Xô đứng đầu;

+ một bên là khối phát xít Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản.

- Ngày 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng.

- Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng họp tại Pác Bó (Cao Bằng) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì (từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941, ): nhiệm vụ giải phóng dân tộc đặt lên hàng đầu.

- Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) ngày 19/5/1941.

**2. Hoạt động:**

***\* Xây dựng lực lượng chính trị:***

- Các đoàn thể cứu quốc được xây dựng.

- Báo chí của Đảng và mặt trận Việt Minh được lưu hành rộng rãi nhằm tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, đấu tranh chống mọi thủ đoạn chính trị, văn hóa của địch, thu hút đông đảo quần chúng vào hàng ngũ cách mạng.

***\* Xây dựng lực lượng vũ trang:***

- Năm 1941, du kích Bắc Sơn phát triển thành Trung đội cứu quốc quân.

- Ngày 22/12/1944, theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Vừa ra đời, đội đánh thắng hai trận Phay Khắt và Nà Ngần.

***\* Xây dựng căn cứ địa:***

- Căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai được xây dựng.

**II. Cao trào kháng Nhật, cứu nước tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945:**

**1. Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945):**

- Ở châu Âu: Pháp được giải phóng.

- Ở mặt trận Thái Bình Dương: Nhật khốn đốn trước các cuộc tấn công của quân Đồng minh.

- Ở Đông Dương: thực dân Pháp ráo riết hoạt động, chờ thời cơ phản công quân Nhật.

🡪 Nhật quyết định ra tay trước, làm cuộc đảo chính Pháp (9/3/1945) để độc chiếm Đông Dương.

🡪 tình thế cách mạng xuất hiện cho cách mạng Việt Nam.

**2. Tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945:**

***\* Chủ trương của Đảng:***

- Ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”:

+ Xác định kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật.

***\* Những việc chuẩn bị cuối cùng cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền:***

- Phát động cao trào “kháng Nhật, cứu nước” làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

- 15/4/1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kì quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân.

- Thành lập khu giải phóng Việt Bắc và Ủy ban lâm thời Khu giải phóng (6/1945).

**BÀI 23 : TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945**

**I. Lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố**

**1. Hoàn cảnh lịch sử, nội dung của Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội quốc dân Tân Trào.**

 **\* *Thế giới***(Khách quan): Chiến tranh thế giới thứ hai đang tới những ngày cuối.

 - Ở Châu Âu, tháng 5/1945 phát xít Đức đầu hàng quân đồng minh không điều kiện.

 - Ở Châu Á –Thái Bình Dương, tháng 8/1945 Nhật cũng đầu hàng vô điều kiện.

 **\* *Trong nước***(Chủ quan):

 -Quân Nhật và bè lũ tay sai của chúng hoang mang đến cực độ, lính Nhật mất hết tinh thần chiến đấu.

 - Lực lượng cách mạng của ta lớn mạnh, nhân dân đã sẵn sàng, Đảng ta có sự chuẩn bị chu đáo trong suốt 15 năm.

Như vậy, Cách mạng tháng Tám nổ ra trong điều kiện khách quan và chủ quan hoàn toàn chín muồi. Đó là thời cơ ngàn năm có một.

\*. **Chủ trương của Đảng:**

- Ngay khi nghe tin Chính phủ Nhật đầu hàng, *Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc* được thành lập và ra quân lệnh số một kêu gọi toàn dân nổi dậy.

- Từ ngày 14 đến ngày 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào quyết định: Phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân đồng minh kéo vào.

- Tiếp theo, Đại hội Quốc dân Tân Trào (16/8/1945) gồm đại biểu ba xứ tiểu biểu cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân, Hồ Chí Minh ra mắt các đại biểu. + Đại hội tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, chọn quốc kỳ, quốc ca…

+ Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư tới đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

+ Chiều ngày 16/8/1945, theo lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa, Võ Nguyên Giáp chỉ huy đội quân kéo về giải phóng Thị xã Thái Nguyên, mở đường về Hà Nội.

**2. Diễn biến của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.**

+ Từ ngày 14/8/1945, tuy chưa nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa, nhưng khởi nghĩa đã nổ ra ở nhiều địa phương thuộc các tỉnh đồng bằng sông Hồng và miền Trung.

+ Chiều ngày 16/8/1945, giải phóng thị xã Thái Nguyên.

+ Từ 14 đến 18/8/1945, 4 tỉnh giành được chính quyền sớm nhất là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam.

+ Tại Hà Nội: từ ngày 15 đến 18/8 phong trào chuẩn bị khởi nghĩa của quần chúng ngày càng sôi sục. Sáng ngày 19/8/1945, Hà Nội ngập tràn khí thế cách mạng. Đồng bào rầm rập kéo đến Quảng Trường Nhà hát lớn dự mít tinh. Cuộc mít tinh nhanh chóng chuyển thành cuộc biểu tình đánh chiếm các cơ quan quan trọng của chính quyền bù nhìn, Hà Nội nhanh chóng giành được chính quyền.

+ Ngày 23/8 giành chính quyền ở Huế.

+ Ngày 25/8 giành chính quyền ở Sài Gòn.

+ Ngày 28/8 hầu hết các địa phương trong cả nước giành được chính quyền.

+ Ngày 30/8 vua Bảo Đại thoái vị. Sự kiện này chấm dứt sự tồn tại của chế độ phong kiến.

+ Ngày 2/9/1945, Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cách mạng tháng Tám.

Như vậy chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14/8 đến 28/8/1945) Tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thành công trong cả nước. Lần đầu tiên trong cả nước chính quyền về tay nhân dân.

**Lưu ý: Nghệ An dành chính quyền ngày 21/8/1945**

**3. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám.**

***\* Ý nghĩa lịch sử***

*- Đối với dân tộc:*

+ Cách mạng tháng Tám thành công là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Nó đã phá tan hai xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế.

+ Đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập, nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ nước nhà.

 + Mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỉ nguyên độc lập tự do.

*- Đối với thế giới****:*** góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới nhất là nhân dân Châu Á và châu Phi.

***\*Nguyên nhân thành công***

*- Chủ quan****:***

+ Dân tộc ta giàu truyền thống yêu nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Dưới ách áp bức, bóc lột của Nhật, Pháp nhân dân ta không còn con đường nào khác là vùng dậy đấu tranh, đập tan xiềng xích nô lệ giành lấy độc lập, tự do dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh.

+ Sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối đúng đắn sáng tạo.

 + Có khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được các lực lượng yêu nước trong mặt trận thống nhất, biết kết hợp tài tình các hình thức đấu tranh.

 - *Khách quan***:**Hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, chiến tranh thế giới II kết thúc, chủ nghĩa phát xít đã bị đánh bại.

*\** ***Nguyên nhân quan trọng nhất là:***

 Trong các nguyên nhân trên, nguyên nhân quan trọng và mang tính quyết định nhất là nguyên nhân chủ quan bởi vì: Nếu quần chúng nhân dân không sẵn sàng đứng lên, nếu Đảng không sáng suốt tài tình nhận định đúng thời cơ thì thời cơ sẽ qua đi.

Vì thế nguyên nhân chủ quan mang tính chất quyết định còn nguyên nhân khách quan chỉ là sự hỗ trợ, là thời cơ để Đảng sáng suốt phát động quần chúng nhân dân đứng lên giành chính quyền trong thời gian ngắn.

**\*Bài học kinh nghiệm:**

- Đảng phải có đường lối đúng đắn, sáng tạo nắm bắt tình hình thế giới và trong nước để đề ra chủ trương, biện pháp cách mạng phù hợp.

- Phải xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân: tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước trong cả nước cô lập kẻ thù, tiến tới đánh bại chúng.

- Phải kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị; kết hợp chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa ởđô thịđể khi có thời cơ thì phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền.

- Phải phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại: Trong mọi hoàn cảnh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững thời và thế, phát huy sức mạnh tổng lực của dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại đã được Đảng vận dụng linh hoạt để đưa đất nước tiến lên, đổi mới và hội nhập.

**Bài 24**:

**Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền đân chủ nhân dân (1945-1946)**

**I. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng 8 năm 1945.**

**\* Khó khăn:**

 Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa đứng trước muôn vàn khó khăn -> rơi vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”

- Chính trị, quân sự:

+ Các nước với danh nghĩa quân Đồng minh kéo vào nước ta. Cùng một lúc ta phải đối phó với nhiều kẻ thù.

+ Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, 20 vạn quân Tưởng đóng ở Hà Nội và hầu hết các tỉnh, theo sau là bọn Việt Cách, Việt Quốc với âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng.

+ Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, hơn 1 vạn quân Anh cũng danh nghĩa quân đồng minh vào giải giáp quân Nhật nhưng chúng giúp cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ.

+ Lợi dụng tình hình đó, bọn phản động ngóc đầu dậy, làm tay sai cho Pháp, chống lại cách mạng.

+ Trên đất nước ta còn hơn 6 vạn quân Nhật.

+ Chính quyền cách mạng mới thành lập chưa được củng cố; lực lượng vũ trang còn non yếu.

- Kinh tế:

+ Nền kinh tế nước ta vốn đã lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hậu quả nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục. Ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng. Ta chưa kiểm soát được ngân hàng Đông Dương. Trong khi đó, quân Trung Hoa Dân Quốc tung ra thị trường các loại tiền của Trung Quốc đã mất giá, làm cho nền tài chính càng thêm rối loạn.

- Văn hoá, giáo dục: Hơn 90% dân số mù chữ, các tệ nạn xã hội vẫn còn phổ biến.

**\* Thuận lợi:**

- Nhân dân ta đã giành được quyền làm chủ, bước đầu được hưởng tự do, nên rất phấn khởi, gắn bó với chế độ.

- Cách mạng nước ta có Đảng lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm, có lãnh tụ sáng suốt là chủ tịch Hồ chí Minh.

- Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành, phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc, phong trào đấu tranh vì hòa bình phát triển ở nhiều nước tư bản.

**II. Những chủ trương và biện pháp của Đảng và Chính phủ nhằm giải quyết nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính và giặc ngoại xâm sau cách mạng tháng tám 1945.**

1. **Biện pháp.**

- Để tiến hành giải quyết khó khăn trước mắt cũng như lâu dài, Đảng tiến hành xây dựng chế độ mới - Xây dựng nhà nước do dân và vì dân.

+ Ngày 6-1-1946, tiến hành Tổng tuyển cử bầu cử Quốc Hội trong cả nước. Ngày 2-3-1945, Quốc Hội họp phiên đầu tiên, ban hành dự thảo Hiến pháp, thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

- Để diệt giặc đói: Ta thực hiện biện pháp trước mắt là “ nhường cơm sẻ áo”, tổ chức “ngày đồng tâm” để có thêm gạo cứu đói và thực hiện biện pháp lâu dài là tăng gia sản xuất, chia ruộng cho nông dân, giảm tô 25%, bỏ các thứ thuế vô lí. Nhờ đó, nạn đói bị đẩy lùi.

- Để giải quyết giặc dốt: Ngày 8-9-1945, chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ, kêu gọi toàn dân tham gia xoá nạn mù chữ. Các cấp học bắt đầu phát triển mạnh. Nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu có đổi mới theo tinh thần dân tộc và dân chủ. Với biện pháp nói trên, nạn dốt đến đầu năm 1946 về cơ bản được đẩy lùi.

- Giải quyết khó khăn về tài chính:

 + Chính phủ kêu gọi nhân dân tự nguyện đóng góp, tổ chức phong trào “Tuần lễ vàng”, xây dựng “Quỹ độc lập”. Tháng 11 – 1946 lưu hành đồng Việt Nam trong cả nước. Khó khăn về tài chính dần dần bị đẩy lùi.

- Giặc ngoại xâm:

+ Đối với Tưởng và bọn tay sai: Ta hòa hoãn, tránh xung đột, nhường cho chúng 70 ghế trong Quốc hội và bốn ghế bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp; nhận cung cấp một phần lương thực, thực phẩm cho quân Tưởng, nhận tiêu tiền “Quốc tệ”, “Quan kim” đã bị mất giá của chúng.

Đối với bọn tay sai, dựa vào quần chúng, chính phủ ta kiên quyết vạch trần âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại của chúng. Nếu có đủ bằng chứng thì trừng trị theo pháp luật.

-> Chúng ta nhân nhượng với Tưởng và tay sai của chúng chỉ là tạm thời, trong giới hạn cho phép để thực hiện chủ trương của ta “Mềm dẻo trong sách lược, cứng rắn về nguyên tắc chiến lược”

+ Đối với Pháp: Được sự giúp đỡ của Anh, đêm 22 rạng sáng ngày 23-9-1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan Tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Quân và dân Nam Bộ tiến hành kháng chiến chống Pháp bằng nhiều loại vũ khí có trong tay.

Đảng và nhân dân phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, đồng thời tích cực đối phó với âm mưu của Pháp mở rộng chiến tranh ra cả nước.

Nhân dân Bắc Bộ, Trung Bộ tổ chức quyên góp tiến bạc, áo quần, thuốc men… ủng hộ đồng bào Nam Bộ.

Sau khi chiếm được các tỉnh Nam Bộ, thực dân Pháp chuẩn bị tiến quân ra Bắc. Để thôn tính toàn bộ đất nước ta, ngày 28-2-1946, Pháp kí với Tưởng hiệp ước Hoa -Pháp, bắt tay với Tưởng.

 -> Nhằm mục đích gạt 20 vạn quân Tưởng về nước và tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng để bước vào cuộc chiến tranh với Pháp sau này, Đảng và chính phủ ta đã hòa hoãn với Pháp, kí Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946.

 Ngày 14 - 9 -1946, Chính phủ ta lại kí tạm ước với Pháp, nhằm mục đích có thêm thời gian xây dựng và củng cố lực lượng chuẩn bị kháng chiến chống Pháp.

**2. Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt, giải quyết khó khăn về tài chính.**

- Nâng cao uy tín của Chính phủ lâm thời và tạo cơ sở để giải quyết các khó khăn khác.

- Việc giải quyết nạn mù chữ có ý nghĩa về chính trị, giúp cho việc truyền đạt chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ đến nhân dân được nhanh chóng hơn, trực tiếp hơn, thuận lợi hơn, cho nhân dân mở rộng kiến thức, đóng góp tích cực vào công việc của địa phương và đất nước.

- Những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính đã giúp nhân dân vượt qua được những khó khăn to lớn, củng cố và tăng cường sức mạnh của chính quyền nhà nước, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.

- Kết quả đạt được thể hiện bản chất cách mạng, tính ưu việt của chế độ mới. Đây là sự chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho toàn dân ta tiến tới cuộc kháng chiến chống thực Pháp xâm lược.

**III. Vì sao chính phủ ta kí với Pháp Hiệp định sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước ngày 14-9-1946?**

**\* Nguyên nhân:** Khi ta nhân nhượng với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ, thì ngày 28-2-1946, Pháp và Tưởng kí hiệp ước Hoa – Pháp. Theo hiệp ước này, quân Tưởng được Pháp nhường cho một số quyền lợi trên đất Trung Quốc, được vận chuyển hàng hóa từ Hải Phòng về cảng Hoa Nam không phải đóng thuế. Ngược lại, Pháp đưa quân ra Miền Bắc thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Như vậy, Pháp và Tưởng xích lại gần nhau, cấu kết với nhau.

- Tình thế đặt cho nhân dân ta hai lựa chọn: Hoặc cùng một lúc đánh cả Pháp lẫn Tưởng hoặc là hòa với một kẻ thù, tập trung đánh một kẻ thù.

- Trước tình hình đó, ta chủ động đàm phán với Pháp, tạm hòa hoãn với chúng để gạt 20 vạn quân Tưởng về nước. Ta đã chọn giải pháp có lợi nhất cho cách mạng, đó là hòa hoãn với Pháp bằng cách kí Hiệp định Sơ bộ vào ngày 6-3-1946.

**\* Nội dung Hiệp định sơ bộ:**

- Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

- Chính Phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, số quân này sẽ rút dần trong 5 năm.

- Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ, tạo không khí thuận lợi cho việc mở cuộc đàm phán chính thức ở Pa ri.

**\* Những thắng lợi đạt được:**

- Pháp phải công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.

- Pháp chấp nhận ngừng bắn ở Nam Bộ, tạo điều kiện thuận lợi để ta có thời gian hòa bình củng cố lại lực lượng.

- Ta dùng “bàn tay” Pháp để gạt bỏ Tưởng ra khỏi miền Bắc.

- Ngăn chặn được cuộc chiến tranh có nguy cơ bùng nổ trên phạm vi cả nước.

**\*Nguyên nhân thắng lợi:**

- Toàn dân đoàn kết một lòng, quyết tâm giữ vững thành quả của cách mạng tháng Tám 1945.

 - Đảng, Chính phủ đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị vô cùng sáng suốt: cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, phân hóa cô lập kẻ thù, đã đưa nước nhà vượt qua thời khắc nguy hiểm, củng cố bảo vệ chính quyền cách mạng, tạo điều kiện để chuẩn bị toàn quốc kháng chiến.

**\*Tác dụng:**

- Dùng “bàn tay” của Pháp đẩy được 20 vạn quân Tưởng và tay sai ra khỏi miền Bắc mà không tốn 1 viên đạn nào.

- Tránh được cuộc chiến đấu bất lợi, vì cùng một lúc phải chống nhiều kẻ thù.

- Tranh thủ thời gian chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược mà ta biết trước, nhất định sẽ xảy ra.

**\*Ý nghĩa:**

- Việc kí kết tuy không buộc được Pháp công nhận Việt Nam là nước độc lập, thống nhất, có chủ quyền, nhưng đây sẽ là cơ sở pháp lí để ta tiếp tục đấu tranh với Pháp.

- Nhờ hòa hoãn với Pháp mà ta phá tan được âm mưu của chúng trong việc cấu kết với Tưởng để chống phá cách mạng nước ta, tránh được một cuộc chiến bất lợi, loại được 20 vạn quân Tưởng ra khỏi đất nước, ta có thêm thời gian hòa bình để tiếp tục xây dựng và củng cố chính quyền, mở rộng mặt trận, chuẩn bị cuộc kháng chiến chống Pháp mà ta biết rằng không thể tránh khỏi.

- Chứng tỏ thiện chí hòa bình và đáp ứng nguyện vọng của nhân dân ta là hòa bình. Do đó, tranh thủ được sự ủng hộ của bạn bè thế giới kể cả nhân dân Pháp.

**IV. Điểm khác trong sách lược của Đảng và Chính phủ ta đối với Tưởng và Pháp trong hai thời kì trước và sau 6-3-1946. Tại sao có sự khác nhau đó? (*Sách lược của Đảng và Chính phủ đối với Pháp và Tưởng trong hai thời kì trước và sau 6-3-1946 có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau đó?)***

**\*Khác nhau:** Đứng trước tình thế một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, Đảng và chính phủ ta đã sử dụng sách lược mềm dẻo để phân hóa kẻ thù. Sách lược đó thể hiện sự khác nhau đó là:

**-** Trước ngày 6-3-1946: hòa hoãn, nhân nhượng với Tưởng ở miền Bắc….., tập trung lực lượng đánh Pháp ở Nam Bộ…….

- Sau 6-3-1946: hòa với Pháp để gạt Tưởng ra khỏi miền Bắc.

**\*Giải thích:**

- Trước ngày 6-3-1946, ta nhân nhượng với Tưởng để tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù trong lúc lực lượng ta còn non yếu.

 - Sau khi ta nhân nhượng với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ thì Pháp và Tưởng kí Hiệp ước Hoa – Pháp vào ngày 28-2-1946, chúng xích lại gần nhau để chia cắt nước ta.

- Tình hình đó, đặt nhân dân ta trước hai con đường phải lựa chọn: Hoặc cùng một lúc phải đánh cả Pháp lẫn Tưởng; hoặc hòa với một kẻ thù để đánh một kẻ thù. Ta đã lựa chọn con đường hòa với Pháp để dùng bàn tay Pháp đuổi 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc.

**BÀI 25: NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP**

**I. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ**

**- Hoàn cảnh:**

+ Sau Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 và Tạm uớc Việt Pháp 14/9/1946, Pháp khiêu khích ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn

+ Tại Hà Nội, Pháp gây xung đột vũ trang, ngày 18/12/1946, gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực luợng tự vệ chiến đấu, giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

+ Ban thường vụ TƯ Đảng phát động tòan quốc kháng chiến.

**- Nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta:** là cuộc chiến tranh nhân dân - toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế

**II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16:**

- Diễn ra ở nhiều đô thị: Huế, Đà Nẵng, Vinh, Nam Định...

- Tiêu biểu ở Hà Nội (60 ngày đêm từ 19/12/1946 đến 17/2/1947

- Kết quả, ý nghĩa:

+ Loại khỏi vòng chiến đấu nhiều tên địch, thu và phá hủy nhiều phuơng tiện chiến tranh.

+ Giam chân địch trong các đô thị, tạo điều kiện để quân ta rút lui về căn cứ xây dựng lực luợng lâu dài

**III. Chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947**

**- Âm mưu của địch:**

**+** Pháp lúng túng trong kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh

+ Chính trị: Thành lập chính phủ bù nhìn TƯ

+ Quân sự: tấn công Việt Bắc nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta; phá tan cơ quan đầu não kháng chiến; khóa biên giới Việt Trung.

**- Chủ trương của ta:** Chiến đấu bảo vệ căn cứ Việt Bắc

**- Diễn biến chính:**

**+** Pháp đánh VB: 7/10/1947, Pháp cho quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Đồn, Chợ Mới; đồng thời cho 2 cánh quân theo đường số 4 và sông Lô bao vây VB.

+ Quân ta: bao vây, tập kích quân nhảy dù; bẻ gãy 2 gọng kìm của địch ở đường thủy và đường số 4

Ngày 19/12/1947, quân Pháp rút khỏi VB.

**- Kết quả, ý nghĩa:**

+ Sau 75 ngày, quân Pháp rút khỏi VB

+ Căn cứ địa VB được giữ vững

+ Cơ quan đầu não k/c của ta được an toàn

+ Quân đội ta trưởng thành.

**IV. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, tòan diện:**

- Âm mưư của Pháp sau thất bại ở Việt Bắc: dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

- Ta: Thực hiện phương châm đánh lâu dài; đẩy mạnh k/c toàn dân, toàn diện.

+ Về quân sự: Thực hiện vũ trang toàn dân, chiến tranh du kích.

+ Về chính trị, ngoại giao:

Năm 1948, bầu cử HĐND các cấp ở Nam Bộ

6/1949, Việt Minh và Hội Liên Việt quyết định thống nhất 2 tổ chức cơ sở đến TƯ.

Tháng 1/1950, nhiều nước đặt quan hệ ngoại giao với nuớc ta, đầu tiên là Trung Quốc.

+ Về kinh tế: Chủ trương phá hoại kinh tế địch, xây dựng kinh tế ta.

+ Văn hóa, giáo dục: Chủ trương cải cách giáo dục phổ thông, hướng giáo dục phục vụ kháng chiến và kiến quốc.

**BÀI 26: BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TÒAN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1950-1953)**

**I. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950:**

**a, Hoàn cảnh lịch sử:**

- Cách mạng TQ thành công

- Tình hình Đông Dương và thế giới thay đổi có lợi cho ta

- Thực dân Pháp ngày càng lệ thuộc Mỹ, Mĩ can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương.

**b, Âm mưu mới của Pháp:** Thực hiện kế hoạch Rơ-ve nhằm:

- Khóa chặt biên giới Việt Trung bằng cách thiết lập hệ thống phòng ngự trên đường số 4

- Thiết lập hành lang Đông Tây

- Chuẩn bị tấn công Việt Bắc lần 2

**c, Quân ta tiến công địch ở biên giới phía Bắc:**

- Chủ trương của ta: Quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm

+ Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch

+ Khai thông con đuờng liên lạc giữa ta và quốc tế

+ Mở rộng và củng cố căn cứ Việt Bắc.

- Diễn biến chiến dịch:

+ 16/9 chiến dịch bắt đầu. Sáng 18/9/1950, quân ta tiêu diệt Đông Khê, hệ thống phòng ngự của địch trên đường 4 lung lay.

Ngày 22/10/1950, Pháp rút quân khỏi đường 4.

- Kết quả, ý nghĩa: Giải phóng tuyến biên giới 750km với 35 vạn dân, chọc thủng hành lang đông tây ở Hòa Bình, phá vỡ kế hoạch Rơ-ve, cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn phản công( Chiến dịch này mở ra buớc ngoặt trong cuộc k/c chống Pháp)

**II. Âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp**

- Pháp lâm vào thế bị động, ngày càng lệ thuộc Mĩ.

- Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào Đông Dương, từng bước thay chân Pháp.

- Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi. (tháng 12/1950).

**III. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951)**

Diễn ra từ 11/2 đến 19/2/1951tại Chiêm Hoá (Tuyên Quang)

***- Nội dung:***

+ Thông qua báo cáo chính trị và báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam

+ Đề ra những chính sách cơ bản về XD và củng cố chính quyền, tăng cường sức mạnh quân đội, phát triển kinh tế, văn hoá

+ Đổi tên Đảng: Đảng lao động VN

+ Bầu ban chấp hành TƯ và Bộ chính trị

***- Ý nghĩa:***

+ Đánh dấu bước trưởng thành của Đảng

+ Thúc đẩy cuộc kháng chiến nhanh chóng đi đến thắng lợi

**- Những quyết định mới của Đại hội so với đại hội trước:**

+ Đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam

+ Đưa đảng ra hoạt động công khai

+ Mỗi nuớc ở Đông Dương phải có đảng riêng của mình.

**IV. Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt**

- Về chính trị:

+ Thống nhất Việt Minh và Hội Liên Việt thành mặt trận Liên Việt (3/3/1951).

+ 11/3/1951 Liên minh nhân dân Việt- Miên- Lào cùng ra đời để cùng đoàn kết chống thực dân Pháp

- Về kinh tế: Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chấn chỉnh thuế khóa, xây dựng nền tài chính nông nghiệp. Cải cách ruộng đất đợt 1 và giảm tô.

- Về văn hóa, giáo dục: cải cách giáo dục, số HS phổ thông và đại học tăng.

**Bài 27. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC KẾT THÚC (1953-1954)**

**I. ÂM MƯU MỚI CỦA PHÁP – MĨ Ở ĐÔNG DƯƠNG: KẾ HOẠCH NAVA**

**Hoàn cảnh ra đời của kế hoạch Nava**

Trải qua tám năm kháng chiến và kiến quốc, lực lượng kháng chiến của nhân dân ta lớn mạnh đáng kể

Quân Pháp trên chiến trương ngày càng đi vào thế phòng ngự, bị động.

Ngày 7 – 5 – 1953, Chính phủ Pháp cử tướng Nava làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh của pháp ở Đông Dương. Nava đề ra kế hoạch chiến lược với hi vọng trong 18 tháng giành lấy một cơ hội quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

**Nội dung kế hoạch Nava**

Bước thứ nhất, trong thu – đông năm 1953 và xuân năm 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ.

Bước thứ hai, từ thu – đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, cố giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán những quyết định có lợi cho chúng.

Từ thu – đông 1953, Nava tập trung quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ lên đến 44 tiểu đoàn, tiến hành những quộc càn quét bình định vùng chiếm đóng, mở cuộc tấn công lớn vào Ninh Bình Thanh Hóa.

**II. CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG – XUÂN 1953 – 1954**

**Cuộc tiến công chiến lược đông – xuân 1953 -1954**

Chủ trương, kế hoạch của ta:

Tập trung lực lương mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai.

Chủ động phân tán lực lượng địch, tạo điều kiện thuận lợi để ta tiếu diệt thêm từng bộ phận sinh lực địch của chúng.

Cuộc tiến công chiến lược của ta.

Ngày 10 – 12 – 1953, một bộ phận chủ lực của ta tiến công thị xã Lai Châu, giải phóng toàn bộ Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ). Nava phải tăng cường lực lượng lên Điện Biên Phủ. Ta biến Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân thứ hai của địch.

Đầu tháng 12 – 1953, liên quân Lào – Việt mở cuộc tiến công địch ở trung Lào giải phóng một phần ở thị xã Thà Khẹt: bao vây uy hiếp căn cứ Sênô, Sênô trở thành nơi tập trung quân thứ ba của địch.

Cuối tháng 1 – 1954, liên quân Lào – Việt tiến công địch ở thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, toàn tỉnh Phongxalì. Biến Luôngphabăng và Mường Sài thành nơi tập trung quân thứ tư của kẻ địch.

Đầu tháng 2 – 1954, quân ta tiến công địch ở Bắc Taay Nguyên: bao vây, uy hiếp Plâycu. Plâycu trở thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

**Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)**

**a. Chủ trương của ta**

Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị trung ương Đảng họp thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Đầu tháng 3 – 1954, công tác chuẩn bị mọi mạt đã hoàn tất.

**b. Diễn biến của chiến dịch**

Đợt 1, từ ngày 13 đến ngày 17 – 3 – 1954; tiến công tiếu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ quân khi Bắc.

Đợt 2, từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4 – 1954; đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông trung tấm Mường Thanh như E1, D1, C1, A1… bao vây, chia cắt, khống chế địch.

Đợt 3, từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5 – 1954; đồng loạt tiến công phân khu trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam. Chiều 7 – 4 – 1954, tướng Đờ Caxtơri và toàn bộ tham mưu bị bắt.

**c. Kết quả**

 Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16.200 địch, trong đó có một thiếu tướng, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

**d. Ý nghĩa**

Đập tan hoàn toán kế hoach Nava.

Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh.

Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại dao của ta giành thắng lợi.

**III. HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG**

**Nội dung hiệp định**

Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Các biên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

Việt Nam và quân đội viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Bắc – Nam, Lấy vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời.

Cấm đưa quân đội, nhân viên nhân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương.

Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc Tổng tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ được tổ chức vào tháng 7 – 1956.

**Ý nghĩa**

Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ banrcuar nhân dân các nước Đông Dương.

Đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Buộc Pháp chấm dứt chiến tranh, rút hết quân đội về nước; Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.

**IV. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954)**

**Nguyên nhân thắng lợi**

Nhờ sự lãnh dạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhờ hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, có Mặt trận dân tộc, có lực lượng vũ trang với ba thứ quân, có hậu phương rộng lớn.

Nhờ tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung.

Nhờ có sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước khác.

**Ý nghĩa lịch sử**

Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, cổ vũ tinh thần giải phóng dân tộc ở Châu Á, Châu Phi, Mĩ La-tinh.

**Bài học kinh nghiệm**

-Xác định đúng và quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

- Kết hợp chặt chẽ và đúng đắn nhiệm vụ chống ĐQ với nhiệm vụ chống Phong kiến, trong đó chủ yếu là  nhiệm vụ chống đế quốc.

 - Vừa kháng chiến, vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

 - Quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo.

 - Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

**BÀI 28. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM**

**(1954 – 1965)**

**I. TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG NƯỚC TA SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ NĂM 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG**

**Tình hình**

Ngày 16 – 5 – 1955, miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Tháng 5 – 1956, Pháp rút quân khỏi miền Nam.

Ở miền Nam, Mĩ thay chân Pháp đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền, âm mưu chia căt lâu dài nước ta làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự Mĩ ở Đông Nam Á.

**Nhiệm vụ**

Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Mối quan hệ của cách mạng hai miền: miền Bắc là hậu phương, miền Nam là tiền tuyến.

**1.Hoàn thành cải cách ruộng đất**

 - Thực hiện chủ trương của Trung ương, trong gần 2 năm (1954-1956) miền Bắc tiến hành tiếp đơt cải cách ruộng đất ở 3 314 xã thuộc 22 tỉnh đồng bằng và trung du. Khẩu hiệu “người cày có ruộng” đã trở thành hiện thực.

 - Qua 5 đợt cải cách ruộng đất, đã tịch thu, trưng thu, trưng mua khoảng 81 vạn hécta ruộng đất, 10 vạn trâu bò và 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ đem chia cho 2 triệu hộ nông dân.

**2.Những tồn tại**

 - Trong cải cách ruộng đất, chúng ta đã phạm một số sai lầm như đấu tố tràn lan thô bạo, đấu tố cả những địa chủ kháng chiến, những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng, quy nhầm một số nông dân, cán bộ, đảng viên thành địa chủ.

 -Sai lầm của ta trong cải cách ruộng đất được Đảng, Chính phủ phát hiện và kịp thời sửa chữa. Công tác sửa sai được tiến hành trong cả năm 1957. Nhờ đó, hậu quả của sai lầm được hạn chế.

**3.Ý nghĩa.**

- Sau cải cách ruộng đất, bộ mặt nông thôn miền bắc có nhiều thay đổi, khối liên minh công-nông được củng cố

-Góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh.
**III.PHONG TRÀO “ĐỒNG KHỞI” (1959 – 1960) Ở MIỀN NAM**

**Nguyên nhân bùng nổ**

Những năm 1957 – 1959, Mĩ – Diệm tăng cường khủng bố phong trào đấu tranh của quần chúng: đề ra Luật 10/59 (tháng 5 – 1959), đặt Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật.

Tháng 1 – 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm.

**Diễn biến**

Ngày 17 – 1 – 1960, cuộc “Đồng khởi” nổ ra ở ba xã điểm là Đinh Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp thuộc huyện Mỏ Cày rồi nhanh chóng lan ra toàn huyện Mỏ Cày.

Hòa nhịp với cuộc “ Đồng khởi” ở Bến Tre, đến giữ năm 1960 trở đi, phong trào “ Đồng khởi” lan ra các tỉnh Nam Bộ, tây Nguyên và Trung Trung Bộ.

**Kết quả**

Ta làm chủ được 600 xã ở Nam Bộ, 900 thôn ở Trung Trùn Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.

Thắng lợi ở phong trào “Đồng khởi” dẫn đến sự ra đời của mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam nagyf 20 – 12 – 1960.

**Ý nghĩa**

Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**IV. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III CỦA ĐẢNG (9 – 1960)**

**Hoàn cảnh**

Giữa lúc cách mạng ở hai miền Nam – Bắc có những bước tiến quan trọng, Đảng Lao Động Việt Nam tổ chức Đại hooin đại biểu toàn quốc lần thứ III. Đại hội họp ngày 5 đến ngày 10 – 9 – 1960 ở Hà Nội.

**Nội dung đại hội**

Đại hội đề ra chiến lược cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền; chỉ rõ vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

Cách mạng miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Cách mạng hai miền có mối quan hệ khăng khít với nhau.

Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng và thông qua kế hoach nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) và bầu ban chấp hành Trung Ương mới của Đảng.

**Ý nghĩa**

Là nguồn sáng cho toán Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

**V. MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1961 – 1965)**

**Chiến lược “ Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ ở miền Nam**

a. Chiến tranh đặc biệt: là hình thức chiến tranh đặc biệt kiêu mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống “cố vấn” Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh cảy Mĩ nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

b. **Âm mưu của Mĩ:**

Âm mưu cơ bản của “Chiến tranh đặc biệt” là “dùng người Việt đánh người Việt”.

Mĩ đề ra “Kế hoạch Xtalây – Taylo” với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

Mĩ tăng cường viện trợ quân sự, cố vấn quân sự, tằn nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.

Quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam.

**Miền nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ**

Cuộc đấu tranh chống phá “ấp chiến lược” diễn ra gay go quyết liệt, đến cuối năm 1962, cách mạng kiểm soát trên tổng số ấp chiến lược với gần 70% nông dân.

Trên mặt trận quân sự, quân dân miền Nam giành thắng lợi to lớn trong trận Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2 – 1 – 1963. Chiến thắng này nhằm chứng tỏ quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ Ngụy, mở ra phong trào “*thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công*”.

Phong trào đấu tranh ở các đô thị như:Huế, Đà nẵng, Sài Gòn có bước phát triển, nổi bật là cuộc đấu tranh của “*Đội quân tóc dài*”.

Phong trào đấu tranh của quân dân miền Nam đã làm suy yếu chính quyền Ngô Đình Diệm, Mĩ phải làm cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm (11 – 1963).

Trong đông – xuân 1964 – 1965, quân ta chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa), tiếp đó, giành thắng lợi An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước) đã làm phá sản về cơ bản chiến lược “ Chiến tranh đặc biệt”

**BÀI 29. CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1965 – 1973)**

**I. CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC”CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUÔC MĨ ( 1965 – 1968)**

**Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ ở miền Nam**

“Chiến tranh cục bộ “ là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

**Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ**

*Chiến thắng Vạn Tường*(Quảng Ngãi) vào ngày 18 – 8 – 1965, Mĩ huy động 9000 quân và nhiều xe tăng, máy bay, tàu chiến, mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường nhằm tiêu diệ một đơn vị chủ lực của ta.

Sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép và hạ 13 máy bay.

Vạn Tường được coi là “Ấp Bắc” đối với quân Mĩ và đồng minh, mở đầu cao trào “*tìm Mĩ mà đánh lùng Ngụy mà diệt*” trên khắp miền Nam.

Chiến thắng trong hai mùa khô:

Mùa khô thứ nhất (đông – xuân 1965 – 1966), quân và dân miền Nam đã đập tan 450 cuộc hành quân của địch, trong đó có 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn, nhằm vào hai hướng chính ở Đông Nam Bộ và Liên Khu V.

Mùa khô thứ hai ( đông – xuân 1966 – 1967), quân và dân miền Nam đã đạp tan 895 cuộc hành quân địch, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn “tìm diệt” và “bình định”, lớn nhất là cuộc hành quân Gianxơn Xiti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

Phong trào đấu tranh của quần chúng chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng “*ấp chiến lược*”, đòi Mĩ rút về nước phát triển rất mạnh ở cả nông thôn và thành thị. Vùng giải phóng được mở rộng.

- Ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 240.000 tên địch, bắn rơi và phá hủy hơn 2.700 máy bay, phá hủy hơn 2.200 xe tăng và xe bọc thép,hơn 3.400 ô tô.

**II. MIỀN NAM VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA MĨ VỪA SẢN XUẤT VÀ LÀM NHIỆM VỤ HẬU PHƯƠNG (1965 – 1968)**

**Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc**

Âm mưu

Tiến hành chiến tranh phá hoại, Mĩ âm mưu phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, đồng thời với đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam. Mĩ mở rộng chiến tranh không quân và hai quân phá hoại miền Bắc.

Thủ đoạn

Ngày 5 – 8 – 1964 sau khi *“dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ”*, Mĩ cho máy bay ném bom phá hoại một số nơi và đến ngày 7 – 2 – 1965, lấy cớ “trả đũa” việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở plâycu, chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

Mĩ huy động một lực lượng không quân và hải quân lớn, gồm hàng nghìn máy bay F111,B52….. và các vũ khí hiện đại khác, đánh vào các mục tiêu quân sự, giao thông, nhà máy, trường học, nhà trẻ, bệnh viện…

**Miền bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ**

Trong chiến đấu, miền Bắc đã bắn rơi và phá hủy 3.243 máy bay Mĩ; bắn cháy và chìm 143 tàu chiến Mĩ. Ngày 1 – 11 – 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**III. CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” VÀ “ĐÔNG DƯƠNG HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1969 – 1973)**

Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “ Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ

**Âm mưu**

Thất bại trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mĩ chuyển sang chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”

Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân Mĩ, và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.

Để thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” Mĩ đã:

Tiếp tục âm mưu “dùng người Việt đánh Người Việt”, rút dần quân Mĩ và quân đồng minh khỏi chiến tranh để giảm xương máu.

Quân đội Sài Gòn được sử dụng như một lực lượng xung kích để mở rộng xâm lược Campuchia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào(1971), thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

Thủ đoạn: Mĩ dùng thủ đoạn thảo hiệp với Trung Quôc, hòa hão với Liên Xô, nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước đó đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

**Chiến đấu chống chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiếntranh” của Mĩ**

Ngày 6 – 6 – 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập. Vừa ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời đã được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại dao.

Trong hai ngày 24 và 25 – 4 – 1970, Hội nghị cao cấp ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia họp nhằm biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

Từ tháng 4 đến tháng 6 – 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

Từ giữa tháng 2 đến tháng 3 – 1971, bộ đội Việt Nam phối hợp với quân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn – 719” của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

**Cuộc tiến công chiến lược năm 1972**

Ngày 30 – 3 – 1972, ta mở cuộc tiến công đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam.

Kết quả: chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch, là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Ý nghĩa: đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (tước thừa nhận thất bại của “Việt Nam hóa chiến tranh”).

**IV**. **MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA MĨ (1969 – 1973)**

Vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất:

Ngày 6 – 4 – 1972, Mĩ cho máy bay ném bom phá hoại miền Bắc (lần thứ hai).

Từ ngày 18 đến hết ngày 29 – 12 – 1972, Mĩ mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng.

Quân dân tả ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đich đáng từ trận đàu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích không quân của Mĩ, làm nên trận *“Điện Biên Phủ trên không”.*

Kết quả: trong trận: *“Điện Biên Phủ trên không”* quân ta bắn rơi 821 máy bay, bắt sống 43 phi công Mĩ.

Trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mĩ, bắn chìm 125 tàu chiến, loại khỏi vòng vây chiến đấu hàng trăm phi công Mĩ.

Ý nghĩa: “*Điện Biên Phủ trên không*” là trận thắng quyết định buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27 – 1 – 1973).

**V. HIỆP ĐỊNH PARI NĂM 1973 VỀ CHÂM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÀO BÌNH Ở VIỆT NAM**

**Nội dung**

Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Hai bên ngừng bắn ở Việt Nam vào 24 giờ ngày 27 – 1 – 1973 và Hòa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự Mĩ, cam kết không tiếp tục dính lứu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

**Ý nghĩa**

Hiệp định Pari về Việt Nam là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại dao,là kết quả củ cuộc đấu tranh kiên cường, bất khất của quân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc.

Với Hiệp định Pari, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thằng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**BÀI 30. HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM**

**1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam**.

 \* Hoàn cảnh.

Sau Hiệp định Pa ri tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng: Mĩ và quân đồng minh rút quân về nước, quân đội SG mất chỗ dựa, viện trở Mĩ giảm mạnh. Về phía ta, miền Bắc đẩy mạnh sản xuất, tăng chi viện cho miền Nam. ở miền Nam, vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất được đẩy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

 \* Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trên cơ sở dự đoán thời cơ, Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, nhưng lại nhấn mạnh "cả năm 1975 là thời cơ" và chỉ rõ "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thỡ lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975". Bộ Chính trị nhấn mạnh cần tranh thủ thời cơ đánh nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

**2. Những Diễn biến chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975:**

 Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuõn 1975 diễn ra trong gần hai tháng (từ ngày 4/3 đến ngày 2/5/1975) qua ba chiến dịch lớn: Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh đánh vào thành phố Sài Gòn.

***\* Chiến dich Tây Nguyên. (Từ ngày 4/3 đến ngày 24/3/1975)***

Tây Nguyên là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng. Từ Tây Nguyên có thể tỏa xuống các tỉnh ven biển miền Trung, và Nam Bộ. Vì vậy, ta đánh Tây Nguyên, then chốt là Buôn Ma Thuột, vỡ lực lượng của địch ở đây tương đối yếu.

+ Đầu tháng 3/1975 ta đánh nghi binh ở Plâyku, Kom Tum, đồng thời bí mật bao vây Buôn Ma Thuột.

+ 10/3/1975, ta bất ngờ tấn công Buôn Ma Thuột và giành thắng lợi nhanh chúng.

+ 14/3/1975, địch rút chạy khỏi Tây Nguyên về giữ miền duyên hải miền Trung.

+ Ngày 24/3/1975, ta giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên.

Chiến dịch Tây Nguyên đó mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của ngụy quân, ngụy quyền. Đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ chuyển sang một thời kỳ mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

***\* Chiến dich Huế - Đà Nẵng ( từ ngày 21/3 đến ngày 29/3/1975)***

Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, thuận lợi, ngay khi chiến dịch Tây Nguyên Đang tiếp diễn, Bộ Chính trị quyết định thực hiện kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, trước tiên là giải phóng Huế - Đà Nẵng.

+ Ngày 21/3 ta tấn công Huế, đến 10h30' ngày 25/3 ta giải phóng Huế.

+ Cùng thời gian này, ta giải phóng thị xã Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai... uy hiếp Đà Nẵng từ phía nam.

+ Ngày 29/3: ta tấn công Đà Nẵng. 3 giờ chiều cùng ngày, Đà Nẵng được giải phóng.

Chiến thắng Huế Đà Nẵng đó gây nên tâm lí tuyệt vọng của ngụy quân đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta tiến lên một bước mới với sức mạnh áp đảo.

***\* Chiến dịch Hồ Chí Minh Lịch sử:***

Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị quyết định tập trung tất cả sức người và sức của để tiến lên giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Bộ Chính trị quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn mang tên " Chiến dịch Hồ Chí Minh".

Trước khi chiến dịch bắt đầu, quân ta tấn công Xuân Lộc và Phan Rang - hai tuyến phòng thủ vòng ngoài bảo vệ Sài Gòn từ phía đông. Ngày 21/4/1975 quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy, bộ đội ta áp sát Sài Gòn. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, Dương Văn Minh lên thay.

17 giờ ngày 26/4/1975 ta nổ súng mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh, năm cánh quân của ta cùng lúc tiến vào trung tâm Sài Gòn.

10 giờ 45 phút ngày 30/4/1975, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh độc lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn. Tổng thống Việt Nam Cộng hoà Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975 cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập. Báo hiệu Chiến dịch Hồ Chớ Minh Lịch sử toàn thắng.

Ngày 2/5/1975, địa phương cuối cùng(Châu Đốc - An Giang) được giải phóng. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 kết thúc thắng lợi.

***3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khỏng chiến chống Mĩ cứu nước***.

 **a. Ýnghĩa lịch sử:**

 Đối với dân tộc: cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước kết thức thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ Quốc từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất đất nước. Mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc - kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên của chủ nghĩa xã hội.

 Đối với thế giới: Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.

 **b. Nguyên nhân thắng lợi:**

 + Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đường lối tiến hành đồng thời cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam.

 + Nhân dân hai miền đoàn kết yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vỡ sự nghiệp giải phóng miền Nam, xõy dựng và bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

 + Nhờ có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

 + Nhờ có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương.

 + Nhờ có sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác.

***Chương VII***

***VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NĂM 2000***

***Bài 31 VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN***

***CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1975 – 1976)***

**I.TÌNH HÌNH HAI MIỀN BẮC – NAM SAU ĐẠI THẮNG XUÂN 1975**

**1, Miền Bắc:**

**a, Thuận lợi:**

**+** Đại thắng mùa Xuân 1975 đã đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất đi lên CNXH

+ Trải qua hơn 20 năm xây dựng CNXH đã đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện đã xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của CNXH

**b, Khó khăn**:

**+** Cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ kéo dài và ác liệt đã tàn phá nặng nề gây hậu quả lâu dài đến miền Bắc: nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá, bị bỏ hoang...

+Vô số bom mìn bị vùi lấp trên các cánh đồng, ruộng vườn nơi cư trú của nhân dân.

+ Nạn thất nghiệp và mù chữ chiếm tỷ lệ lớn trong dân cư

**2, Miền Nam:**

**a, Thuận lợi:**

**+**Đã được giải phóng

**+** Chế độ thực dân mới của Mỹ cùng bộ máy chính quyền Trung ương Sài Gòn bị sụp đổ:

+ Nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản.

**b, Khó khăn**:

+ Chế độ thực dân mới ở địa phương cùng bao di hại xã hội vẫn còn tồn tại.

+ Nền kinh nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.

+ Kinh tế phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

**II.KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH-KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- VĂN HÓA Ở 2 MIỀN ĐẤT NƯỚC**:

+ Giữa năm 1976 căn bản hoàn thành: Diện tích trồng lúa hoa màu, cây công nghiệp tăng hơn 1975

+ Nhiều công trình nhà máy được xây dựng và mở rộng thêm.

Sản lượng của phần lớn các sản phẩm quan trọng đều đạt và vượt mức trước chiên tranh.

* Y tế, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật phát triển mạnh.
* - Làm tròn nghĩa vụ của căn cứ địa cách mạng cả nước và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam- Pu- Chia.
* 2, Ở Miền Nam: Công việc tiếp quản các vùng mới giải phóng được tiến hành khẩn trương và đạt kết quả tốt.
* Ở các thành phố lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng và các vùng mới giải phóng, chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp nhanh chóng được thành lập.
* Hàng triệu đồng bào trong thời gian chiến tranh bỏ quê hương nay được hồi hương, tham gia sản xuất hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới.
* Chính quyền cách mạng tịch thu toàn bộ tài sản, ruộng đất của bọn phản động chạy ra nước ngoài.

-Xóa bỏ bóc lột phong kiến ở nông thôn, quốc hữu hóa ngân hàng, thay đồng tiền của chính quyền Sài Gòn bằng đồng tiền cách mạng.

-Khôi phục sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp.

-Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế... được tiến hành khẩn trương từ những ngày đầu mới giải phóng

**III .HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC**

 Là nhiệm vụ quan trọng trước mắt của cách mạng Việt Nam sau 1975.

**1. Quá trình hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước : 2 bước.**

\* Hội nghị hiệp thương Bắc − Nam (từ 15 đến 21/11/1975) tại Sài Gòn, nhất trí thống nhất hoàn toàn hai miền trong một Nhà nước chung.

\* Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung Quốc hôi khóa VI vào 25/4/1976, với hơn 23 triệu cử tri đi bỏ phiếu

 Quốc hội thống nhất họp cuối tháng (2/6) đầu tháng (3/7/1976) đã thông qua nhiều quyết định quan trọn và chính sách đối nội, đối ngoại của nhà nước VN thống nhât:

- Lấy tên nước : Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc huy mang dòng chữ: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quốc kỳ là lá cở đỏ sao vàng 5 cánh; Thủ đô: Hà Nội .Thành phố Sài Gòn − Gia Định đổi tên : Thành phố HCM .

-Bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của Việt Nam thống nhất.

*-*31/7/1977 : Đại hội đại biểu các mặt trận ở hai miền Nam – Bắc họp tại TP. HCM quyết định thống nhất thành Mặt trận Tổ quốc VN .

- 18/12/1980 : Quốc hội thông qua Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam .

*\* Ý nghĩa*

− Thể hiện ý chí nguyện vọng của cả dân tộc VN, xây dựng 1 nước VN độc lập, thống nhất và CNXH

 - Là yêu cầu tất yếu, khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam.

 − Tạo cơ sở pháp lý để hoàn thành thống nhất đất nước trên các lãnh vực khác: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tư tưởng

− Tạo điều kiện để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước để xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, tăng cường khả năng quốc phóng an ninh và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới

**2. Mở rộng quan hệ quốc tế** :

−20/9/1977 : Việt Nam gia nhập LHQ (hội viên thứ 149).

− Là thành viên của hơn 20 tổ chức quốc tế khác.

**Bài 33 : ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

**(1986 – 2000)**

**I. ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC CỦA ĐẢNG**

**1. Nguyên nhân đổi mới( Hoàn cảnh)**

***a. Chủ quan***

 Sau 10 năm thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1985), cách mạng XHCN ở nước ta đạt nhiều thành tựu và ưu điểm đáng kể, song cũng gặp không ít khó khăn, khiến đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước kết là về kinh tế – xã hội.

 - Nguyên nhân cơ bản: do ta mắc phải “*sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*”

 - Để khắc phục sai lầm, đưa đất nướcvượt qua khủng hoảng, Đảng và nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

 ***b. Khách quan***

- Những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước do tác động của cách mạng KHKT.

 - Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của Liên Xô và các nước XHCN khác

 => Như vậy, đổi mới là yêu cầu cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với CNXH **ở** VN, đồng thời phù hợp với xu thế chung của thời đại

**2. Nội dung đường lối đổi mới**

 - Đề ra lần đầu tiên tại Đại hội VI (12.1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại Đại hội VII (1991), VIII (1996), IX (2001), Đại hội X (4/2006), Đại hội XI(4/2011), Đại hội XII(1/2016)

 - Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của CNXH, mà làm cho những mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về CNXH, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

 Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hóa. Đổi mới kinh tế và chính trị gắn bó mật thiết, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

 \* Về kinh tế:

- Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường

- Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, trình độ công nghệ

 - Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

\* Về chính trị :

 - Xây dựng Nhà nước XHCN, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

 - Xây dựng nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

 - Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

**II. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ Ý NGHĨA CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ 1986 – 2000**

**1. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 – 1990)**

 ***a. Đại hội VI (12/1986) mở đầu công cuộc đổi mới.***

 - ***Khẳng định*** tiếp tục đường lối chung cách mạng XHCN và đường lối xây dựng kinh tế – xã hội chủ nghĩa.

 - ***Nhận thức đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam*** là thời kỷ lịch sử lâu dài, khó khăn, trải qua nhiều chặng và hiện đang ở chặng đầu tiên.

 - ***Nhiệm vụ, mục tiêu***: Tâp trung sức người, sức của thực hiện ***Ba chương trình kinh tế về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.*** Muốn vậy thì nông-lâm-ngư nghiệp phải được đặt đúng vị trí hàng đầu. Nông nghiệp được xem là mặt trận hàng đầu và được ưu tiên về vốn đầu tư, về năng lực, vật tư, lao động kỹ thuật.

 ***b. Thành tựu***

 **\* Kinh tế:**

 - ***Về lương thực thực phẩm***: Đạt 21,4 triệu tấn, từ thiếu ăn, phải nhập lương thực, năm 1990 chúng ta đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân.

 - ***Hàng hóa trên thị trường*** dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó hàng trong nước tăng hơn trước và có tiến bộ về mẫu mã, chất lượng. Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường, phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.

 - ***Kinh tế đối ngoại*** mở rộng về quy mô vàhình thức. Từ 1986 – 1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần, nhiều mặt hàng có giá trị lớn như gạo (1,5 triệu tấn – 1989), dầu thô…, tiến gần đến mức cân bằng giữa xuất và nhập khẩu.

 - Kiềm chế được một bước lạm phát, từ 20% (1986) còn 4,4% (1990)

 **- *Ý nghĩa***: Hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản li của Nhà nước. đây là chủ trương chiến lược lâu dài của Đảng nhằm phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng để phát triển sản xuất và dịch vụ, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng sản phẩm cho xã hội.

 **\* Chính trị:** Thực hiện dân chủ hóa xã hội theo quan điểm "lấy dân làm gốc".

 => Chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.

**2. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1991 – 1995)**

 ***a. Đại hội VII (6/1991) :*** tiếp tục đổi mới, đề ra chủ trương, nhiệm vụ nhằm kế thừa, phát huy những thành tựu; khắc phục các khó khăn, yếu kém và điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới.

 - Thông qua “ ***Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH” và “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000***”

 - ***Nhiệm vụ, mục tiêu:***

 + Đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát. Ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội. Ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân. Bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

 + Phát huy sức mạnh các thành phần kinh tế, đẩy mạnh Ba chương trình kinh tế với nội dung cao hơn và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu công nghiệp hóa.

 ***b. Thành tựu và hạn chế***

 **\* Thành tựu**

 - Kinh tế tăng trưởng nhanh, GDP tăng bình quân 8,2%/năm, công nghiệp tăng 13,3%/năm, nông nghiệp là 4,5%/năm.

 - Tài chính, tiền tệ: lạm phát giảm còn 12,7% (1995). Tỷ lệ thiếu hụt ngân sách được kiềm chế.

 - Trong 5 năm xuất khẩu đạt 17 ti USD, nhập khẩu 21 tỉ USD. Quan hệ mậu dịch mở rộng với hơn 100 nước.

 - Vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh, bình quân 50%/năm. Cuối 1995, vốn đăng kí cho các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt trên 19 tỉ USD.

 - Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội. công tác giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới.

- Thu nhập và đời sống nhân dân được cải thiện

 - Chính trị xã hội ổn định, an ninh quốc phòng được củng cố.

 - Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bao vây, tham gia tích cực vào hoạt động của cộng đồng quốc tế, quan hệ với hơn 160 nước.Ngày 11.07.1995, Việt Nam và Hoa Kì thiết lập quan hệ ngoại giao.**Ngày 28.07.1995, Việt Nam gia nhập ASEAN.**

**3. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1996 – 2000)**

 ***a. Đại hội VIII (6/1996) đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa***

 - Đại hội khẳng định tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, nhấn mạnh: “Nước ta đã chuyển sang thời kì phát triển mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”

- Nhiệm vụ, mục tiêu: Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần…., phấn đấu đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội. Cải thiện đời sống nhân dân. Nâng cao tích lũy nội bộ từ nền kinh ***tế.***

 ***b.* Thành tựu:**

 ***-*** GDP tăng bình quân 7%/năm, công nghiệp 13,5%/năm, nông nghiệp là 5,7%.

 - Nông nghiệp: phát triển liên tục, góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế – xã hội (lương thực bình quân đầu người năm 2000 là 444 kg)

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

 - Xuất khẩu tăng bình quân 21%/năm với ba mặt hàng chủ lực là gạo (thứ hai thế giới), cà phê (thứ ba thế giới) và thủy sản; nhập khẩu tăng 13,3%/năm; vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,5 lần so với 5 năm trước.

 - Doanh nghiệp Việt Nam mở rộng đầu tư ra nước ngoài. Đến năm 2000 có trên 40 dự án đầu tư vào 12 nước và vùng lãnh thổ.

- Năm 2000, có quan hệ thương mại với hơn 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ, thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài

 - Giáo dục: năm 2000 phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, tiếp tục phổ cập THCS

 - Số người có việc làm tăng 1,2 triệu người/năm.

 -Ý nghĩa (Vận dụng) Rất quan trọng

 Chứng tỏ đường lối đổi mới hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của quần chúng nhân dân, được đông đảo nhân dân ủng hộ

- Tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt đất nước và cuộc sống nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ XHCN, nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế.

-Việc mở rộng quan hệ quốc tế, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, tạo thuận để phát triển kinh tế- xã hội nhanh hơn

 *\* Khó khăn và hạn chế(Vận dụng)* (Rất quan trọng)

 - Kinh tế phát triển chưa vững chắc, năng suất, chất lượng thấp, giá cao. Hiệu quả sức cạnh tranh thấp.

 - Kinh tế Nhà nước chưa tương xứng với vai trò chủ đạo, kinh tế tập thế chưa mạnh.

 - Hoạt động khoa học công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới.

 - Tỉ lệ thất nghiệp cao, đời sống nhân dân, nhất là nông dân, ở một số vùng còn thấp.

=> Đảng và nhân dân ta phải tiếp tục phấn đấu vươn tới đỉnh cao mới theo con đường XHCN vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

BÀI 34:

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM

TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000

**I. Các giai đoạn chính và đặc điểm của tiến trình lịch sử**

**1. Giai đoạn 1919 - 1930**

- Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần 2 => xã hội Việt Nam thực sự trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến

- 3/2/1930: ĐCSVN ra đời => từ đây, chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đượng lối và lãnh đạo của cách mạng VN.

**2. Giai đoạn 1930 - 1945**

- Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã lãnh đạo cao trào cách mạng 30 - 31, sau đó bị địch dìm trong máu lửa. Nhưng đó là cuộc diễn tập lần thứ nhất của cách mạng tháng tám 1945.

- Sau phong trào tạm lắng 32 - 35, cách mạng được khôi phục, bùng lên với khí thế mới

- Cuộc vận động 36 - 39, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình.

=> tôi luyện được đội quân chính trị hùng hậu.

- 9/3/ 1945: N đảo chính P => Nhân cơ hội đó, Đảng phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.

- 14/8/1945: PX Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện =>đảng phát động quần chúng đứng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

**3. Giai đoạn 1945 - 1954:**

- Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền non trẻ phải đương đầu với muôn vàn khó khăn thử thách.

- 19/12/46: Đảng phát động toàn dân kc với đường lối toàn dân , toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh

- Với nỗ lực cao nhất, dân tộc ta đã lập nên chiến thắng ĐBP => hđ Giơnevơ được kí kết

**4. Giai đoạn 1954 - 1975**

-Sau khi kc chống P thắng lợi, đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau

- Sau hơn 20 năm đấu tranh kiên cường, bất khuất, dân tộc ta giành đại thắng 1975 => kỉ nguyên mới: độc lập, thống nhất, đi lên CNXH

**5. Giai đoạn 1975 - nay**

- Cả nước chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN. Trong quá trình xây dựng CNXH, chúng ta đạt nhiều thành tựu, song tồn tại không ít khó khăn, thiếu sót

- 12/1986: ĐH VI đề ra đường lối đổi mới. Công cuộc đổi mới đất nước đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi trên nhiều lĩnh vực, chủ yếu là về kinh tế

**II. Nguyên nhân thắng lợi, những bài học kinh nghiệm, phương hướng đi lên**

1. Nguyên nhân thắng lợi:

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta phát huy truyền thống yêu nước, kiên trì con đường CNXH đã chọn =>đánh thắng nhiều kẻ thù mạnh.

2. Bài học kinh nghiệm:

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với đường lối giương cao hai ngọn cờ: Độc lập dân tộc và CNXN - đó là cội nguồn của mọi thắng lợi

- Củng cố, tăng cường khối đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế

- Sự lãnh đạo của DDCSVN luôn là nhân tố hàng đầu của mọi sự thắng lợi